BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP HCM

NGUYỄN TRỌNG NGUYÊN

NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY NHẰM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY NIÊM YẾT TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

Chuyên ngành : Kế Toán – Kiểm Toán

Mã số : 60.34.30

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

TS. HÀ XUÂN THẠCH

Tp Hồ Chí Minh – Năm 2007

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1
CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN 4
1. Tổng quan về quản trị công ty 4
1.1 Nguồn gốc nhu cầu quản trị công ty 4
1.2 Nội dung cơ bản của quản trị công ty 4
1.2.1 Khái niệm quản trị công ty 4
1.2.2 Tầm quan trọng của quản trị công ty 5
1.2.3 Các mô hình quản trị công ty 6
1.2.4 Những nguyên tắc quản trị công ty 9
2. Quan hệ giữa quản trị công ty và chất lượng báo cáo tài chính 10
2.1 Báo cáo tài chính 10
2.1.1 Mục đích của báo cáo tài chính 10
2.1.2 Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp 11
2.1.3 Nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính 13
2.1.4 Chất lượng báo cáo tài chính 14
2.2 Quan hệ giữa quản trị công ty và chất lượng báo cáo tài chính 14
2.2.1 Xét trên phương diện lý luận 14
2.2.1.1 Lập báo cáo tài chính 14
2.2.1.2 Các nhân tố tác động đến quá trình lập báo cáo tài chính . 15
2.2.1.3 Cơ cấu và nhiệm vụ các nhân tố tham gia quá trình hình thành báo cáo tài chính có chất lượng 17
a) Hội đồng quản trị 17
b) Ủy ban kiểm toán 18
c) Ban điều hành cấp cao 20
d) Kiểm toán nội bộ 21
e) Kiểm toán độc lập 22
f) Các cơ quan quản lý 22

2.2.2 Xét trên phương diện thực tế 24
3. Kinh nghiệm các nước trong việc nâng cao chất lượng quản trị công ty để nâng cao chất lượng báo cáo tài chính 25
3.1 Hành động phòng ngừa..... 25
3.1.1 Hội đồng quản trị 25
3.1.2 Ban quản lý cấp cao 26
3.2 Hành động phát hiện..... 27
3.2.1 Ủy ban kiểm toán 27
3.2.2 Kiểm toán nội bộ..... 27
3.2.3 Kiểm toán độc lập 28
3.2.4 Các cơ quan quản lý..... 30
3.2.4.1 Ủy ban chứng khoán nhà nước 30
3.2.4.2 Ủy ban giám sát kế toán các công ty niêm yết 30
4. Kết luận chương I 31
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA CÔNG TY NIÊM YẾT TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH 33
1. Công ty niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh 33
1.1 Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển của Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh 33
1.1.1 Lịch sử hình thành Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh... 33
1.1.2 Thị trường niêm yết ở Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh 34
1.2 Công ty cổ phần niêm yết..... ... 35
1.2.1 Khái niệm..... ... 35
1.2.2 Vai trò công ty niêm yết..... ... 35
1.2.3 Phân loại công ty niêm yết..... ... 36
1.2.3.1 Theo thời gian lên sàn..... ... 36
1.2.3.2 Theo ngành nghề..... ... 36
1.2.3.3 Theo cơ cấu vốn..... ... 37

2. Các quy định hiện hành về quản trị công ty và báo cáo tài chính của công ty niêm yết tại Việt Nam ... 38
2.1 Quản trị công ty ... 38
2.1.1 Những vấn đề chung ... 38
2.1.2 Những vấn đề liên quan đến chất lượng báo cáo tài chính ... 40
2.2 Báo cáo tài chính của công ty niêm yết ... 41
3. Khảo sát thực trạng quản trị công ty dưới góc độ đảm bảo chất lượng báo cáo tài chính của công ty niêm yết ... 42
3.1 Những vấn đề chung ... 43
3.2 Hành động phòng ngừa ... 44
a. Tập trung quyền ... 44
b. Xung đột lợi ích ... 45
3.3 Hành động phát hiện ... 45
a. Ban kiểm soát ... 45
b. Kiểm toán nội bộ ... 46
c. Kiểm toán độc lập ... 46
4. Mặt tích cực và hạn chế của quản trị công ty liên quan đến chất lượng báo cáo tài chính của các công ty niêm yết ... 47
4.1 Mặt tích cực ... 47
4.2 Mặt hạn chế ... 47
5. Kết luận chương II ... 48
CHƯƠNG III: NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY NHẰM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY NIÊM YẾT TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH ... 50
1. Quan điểm và mục tiêu định hướng ... 50
1.1 Quan điểm ... 50
1.2 Nhận định sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam ... 50
1.2.1 Môi trường ... 50
1.2.2 Các doanh nghiệp niêm yết ... 51

1.2.3 Nguồn cung vốn cho thị trường ... 52
1.2.4 Trình độ nhận thức của nhà đầu tư ... 52
1.3 Hướng hoàn thiện ... 53
2. Những định hướng ... 54
2.1 Đối với công ty niêm yết ... 54
2.1.1 Hành động ngăn ngừa ... 54
2.1.2 Hành động phát hiện ... 59
2.2 Đối với các cơ quan quản lý ... 62
2.2.1 Bộ tài chính ... 63
2.2.2 Ủy ban chứng khoán nhà nước ... 63
2.2.3 Hội nghề nghiệp ... 64
2.3 Đối với công ty kiểm toán ... 64
3. Kết luận chương III ... 67
KẾT LUẬN CHUNG ... 68
TÀI LIỆU THAM KHẢO
PHỤ LỤC

MỞ ĐẦU

TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI:

Thị trường chứng khoán là một kênh thu hút và phân phối tài chính không thể thiếu của một nền kinh tế thị trường. Thị trường chứng khoán chính là nơi huy động những luồng vốn lớn và dài hạn cho nền kinh tế, tạo động lực cho nền kinh tế phát triển. Đối với các công ty niêm yết, thị trường chứng khoán giúp cho các công ty có thêm nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ mở rộng sản xuất và kinh doanh. Đối với người dân, đầu tư vào thị trường chứng khoán giúp họ có cơ hội thu về các khoản lợi nhuận hấp dẫn.

Tuy nhiên, trước khi quyết định đầu tư mua cổ phiếu, nhà đầu tư phải có những thông tin về tình hình tài chính của công ty đó. Những thông tin này được cung cấp chủ yếu trên Bảng cáo bạch và báo cáo tài chính được công khai tại nơi niêm yết. Nhưng vấn đề được đặt ra là liệu các thông tin này, nhất là các thông tin trên báo cáo tài chính có hợp lý và phản ánh được thực chất tình hình tài chính của doanh nghiệp đó không?

Những vụ gian lận về báo cáo tài chính của các công ty niêm yết lớn trên thế giới như Enron, Worldcom; ở Việt nam như: BiBica, Canfoco… đã làm cho lòng tin công chúng sụt giảm. Các nghiên cứu trên thế giới cho thấy rằng gốc rễ của việc gian lận này phần lớn xuất phát từ quản trị công ty yếu kém.

Các nhà đầu tư vốn cổ phần sẽ chấp nhận trả giá cao hơn cho doanh nghiệp có hệ thống kế toán minh bạch, vì rủi ro đối với nhà đầu tư sẽ thấp hơn khi các nhà đầu tư có thể tin tưởng vào vị thế tài chính của doanh nghiệp. Có được giá trị phụ trội là rất quan trọng khi doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán. Có cơ sở để cho rằng các doanh nghiệp hiện đang niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt nam có giá trị thị trường chưa cao một phần do nhìn nhận của các nhà đầu tư là các doanh nghiệp Việt nam nói chung còn có mức độ minh bạch thấp và các tiêu chuẩn quản trị công ty chưa cao.

Xuất phát từ thực tế như vậy, tôi chọn đề tài: **Những định hướng về quản trị công ty nhằm nâng cao chất lượng báo cáo tài chính của Công ty niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.**

MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU:

Trên cơ sở nghiên cứu lý thuyết về quản trị công ty và những bằng chứng về sự tác động của quản trị công ty đến báo cáo tài chính qua các nghiên cứu của những tổ chức trên thế giới, kết hợp phân tích thực trạng cơ cấu quản trị công ty của các công ty niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh, đề tài đưa ra một số định hướng quản trị công ty của các công ty niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh nhằm nâng cao chất lượng báo cáo tài chính của doanh nghiệp niêm yết.

PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU:

- Đề tài chỉ nghiên cứu những yếu tố của cơ cấu quản trị công ty có ảnh hưởng đến quá trình lập báo cáo tài chính mà không bao hàm toàn bộ những yếu tố của nguyên tắc quản trị công ty do Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) khuyến nghị.

- Chất lượng báo cáo tài chính ở đây được hiểu là mức độ tuân thủ các chuẩn mực, quy định kế toán hiện hành nhằm đưa ra báo cáo tài chính đáng tin cậy, tối thiểu hóa gian lận và không có sai sót trọng yếu.

- Đề tài chỉ đánh giá thực trạng quản trị công ty của các công ty cổ phần đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh tính đến thời điểm 31/12/2006.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU:

Phương pháp được sử dụng để nghiên cứu là phương pháp duy vật biện chứng, với phương pháp này chúng ta xem xét đối tượng nghiên cứu trong mối quan hệ vận động và phát triển, đồng thời chúng ta có thể xem xét chúng trong mối liên hệ toàn diện với các sư vật có liên quan. Thêm vào đó, việc sử dụng phương pháp phân tích

và tổng hợp, đối chiếu giữa lý luận và thực tiễn sẽ giúp chúng ta giải quyết vấn đề một cách khoa học. Luận văn được nghiên cứu dựa trên phương pháp thống kê, điều tra tại chổ kết hợp với phương pháp tổng hợp, quy nạp. Ngoài ra, luận văn còn sử dụng một số phương pháp dùng bảng biểu để đánh giá nhận xét thực trạng của vấn đề.

KẾT CẤU CỦA LUẬN VĂN:

Ngoài phần mở đầu, kết luận và phụ lục luận văn được chia thành ba chương sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận

Chương 2: Thực trạng quản trị công ty của các công ty niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

Chương 3: Những định hướng về quản trị công ty nhằm nâng cao chất lượng báo cáo tài chính của các công ty niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.Tổng quan về quản trị công ty:

1.1. Nguồn gốc nhu cầu về quản trị công ty.

Nhu cầu gốc rễ về quản trị công ty từ sự phân tách quyền sở hữu với quyền quản lý ở các công ty đại chúng. Các nhà đầu tư đầu tư vốn của họ vào các công ty mà họ kỳ vọng là sẽ sinh lợi, do vậy họ có thể được hưởng lợi nhuận trong tương lai. Tuy nhiên, nhiều nhà đầu tư thiếu thời gian và trình độ chuyên môn cần thiết để điều hành công ty và đảm bảo rằng công ty đó tạo ra lợi nhuận. Vì vậy, các nhà đầu tư thuê các nhà quản lý có trình độ để điều hành công ty hằng ngày, đảm bảo rằng các hoạt động công ty tăng khả năng sinh lợi và hiệu quả hoạt động lâu dài.

Sự tách biệt quyền sở hữu và quản lý, một mặt giải quyết được mâu thuẫn giữa vốn và năng lực điều hành như đã trình bày; mặt khác nó cũng làm nảy sinh nguy cơ xung đột lợi ích, khiến cho hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp không đạt mức tối ưu, gây thiệt hại cho các nhà đầu tư. Trong mối quan hệ giữa nhà đầu tư và nhà quản lý, cả hai bên đều mong muốn tối đa hoá lợi ích của mình, tuy nhiên điều kiện để tối đa hoá lợi ích của hai bên không giống nhau. Nhà đầu tư muốn tối đa hoá lợi ích của mình thông qua việc tăng giá trị doanh nghiệp, còn lợi ích của nhà quản lý thường gắn trực tiếp với thu nhập nhận được. Do nhà quản lý là người trực tiếp điều hành hoạt động của doanh nghiệp nên họ có thể thực hiện những hành vi hay quyết định nhằm tối đa hoá lợi ích cho cá nhân mình nhưng lại làm tổn hại đến lợi ích của nhà đầu tư.

1.2. Nội dung cơ bản của quản trị công ty

1.2.1. Khái niệm quản trị công ty.

Trên thế giới quản trị công ty được định nghĩa theo nhiều cách:

- Quản trị công ty là một lĩnh vực kinh tế học nghiên cứu cách thức động viên quá trình quản trị hiệu quả của các doanh nghiệp bằng việc sử dụng các cơ cấu động viên lợi ích, ví dụ hợp đồng, cấu trúc tổ chức và quy chế, quy tắc. Quản trị công ty thường giới hạn trong vấn đề về cải thiện hiệu suất tài chính, chẳng hạn

bằng cách nào người chủ sở hữu doanh nghiệp động viên các Giám đốc họ sử dụng vận hành để đem lại hiệu suất đầu tư hiệu quả hơn. (www.encycogov.com)

- Theo Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế: quản trị công ty bao gồm hệ thống những mối quan hệ giữa Ban điều hành, Hội đồng quản trị, cổ đông và những người có liên quan khác của công ty, xây dựng cơ cấu mà thông qua đó mục tiêu của công ty được xây dựng; những phương tiện để đạt mục tiêu đó và phương thức giám sát được xác định một cách rõ ràng.

- Theo quy chế quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết tại Việt nam, ban hành theo quyết định 12/2007/QĐ-BTC ngày 13/03/2007: quản trị công ty là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến công ty.

- Theo Phòng thương mại và công nghiệp Việt nam : Quản trị công ty l□ những cơ chế, quy định thông qua đó công ty được điều hành và kiểm soát. Cơ cấu quản trị công ty xác định quyền hạn và trách nhiệm giữa những thành viên khác nhau trong công ty, bao gồm các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan khác của công ty.

Như vậy, quản trị công ty là việc thiết lập cơ cấu giữa các bên có quan hệ là Hội đồng quản trị, Ban điều hành, cổ đông và các bên có liên quan khác nhằm xây dựng hệ thống trách nhiệm đảm bảo cho việc định hướng điều hành và giám sát phù hợp với các nguyên tắc quản trị công ty tốt nhất với mục đích tạo giá trị gia tăng cho doanh nghiệp.

1.2.2. Tầm quan trọng của quản trị công ty.

a/ Đối với nền kinh tế:

- Công tác quản trị tốt dẫn tới tăng trưởng và hiệu quả kinh tế cao hơn. Nó cải thiện việc sử dụng nguồn vốn thường là khan hiếm ở nhiều quốc gia. Quản trị doanh nghiệp tốt, bao gồm cả tính dễ dàng dễ hiểu, sẽ khuyến khích đầu tư trực tiếp nước ngoài và làm giảm các khoản lãi đi vay của các công ty.

- Quản trị công ty tốt làm giảm nguy cơ các cuộc khủng hoảng. Trong trường hợp có sự xáo trộn bên ngoài, nó có thể tăng cường khả năng chống chọi của nền kinh tế.

b/ Đối với doanh nghiệp:

- Giảm thiểu rủi ro trong hoạt động, giảm thiểu gian lận và phát hiện các hoạt động phi pháp. Cải thiện chất lượng hoạt động của công ty và tối đa hóa lợi nhuận cho các cổ đông.

- Củng cố lòng tin các nhà đầu tư, giúp công ty tăng cường khả năng tiếp cận với các nguồn vốn với chi phí rẻ, đồng thời tăng cường khả năng cạnh tranh thu hút trên thị trường vốn quốc tế.

- Thu hút đầu tư trực tiếp và gián tiếp từ nguồn vốn trong và ngoài nước

1.2.3. Các mô hình quản trị công ty:

1.2.3.1. Mô hình được xác định theo cơ cấu sở hữu và hình thức huy động vốn.

a/ Mô hình người sở hữu ngoài công ty:

- Cơ cấu: cổ phần của công ty được phân tán rộng trong các cổ đông nhỏ lẻ hoặc các nhà đầu tư có tổ chức. Cấu trúc này phát sinh khi một công ty phát hành một số lượng lớn cổ phiếu phổ thông trên thị trường chứng khoán. Mô hình này còn gọi là mô hình Anglo-Saxon, điển hình là ở Mỹ và Anh.

- Đặc điểm:

+ Với mô hình này, việc quản trị công ty của cổ đông có xu hướng thụ động. Có ít cổ đông cá nhân hay tổ chức có vai trò tích cực trong việc quản trị công ty. Các nhà đầu tư cổ phiếu của một công ty vì họ mong đợi công ty đó làm ăn tốt, dẫn tới việc chi trả cổ tức cao và giá cổ phiếu tăng cao hơn. Nếu công ty hoạt động kém, họ hiếm khi đưa ra các biện pháp nhằm tác động nâng cao hiệu quả quản trị công ty mà chỉ có lựa chọn biện pháp duy nhất là bán cổ phiếu.

+ Chính việc phản ứng bằng việc mua hoặc bán cổ phiếu, một khi cổ phiếu bị bán ra ào ạt, sẽ dẫn đến giá cổ phiếu giảm và đẩy công ty vào tình trạng bị thâu tóm bởi các đối thủ cạnh tranh. Điều này tuy ảnh hưởng đến giá cổ phiếu, gây áp lực lên ban quản trị công ty, song đây lại là hình thức kiểm soát gián tiếp.

+ Mô hình này thường đòi hỏi việc công bố thông tin rộng rãi, các nguyên tắc giao dịch nghiêm ngặt và thị trường chứng khoán có tính thanh khoản cao.

+ Khuôn khổ pháp lý và phương thức quản lý đều sử dụng thị trường vốn làm công cụ điều tiết và được thiết kế để xây dựng lòng tin của các nhà đầu tư không nắm quyền kiểm soát công ty.

+ Cơ chế quản lý được cơ cấu để cung cấp thông tin tương đối hoàn chỉnh cho các nhà đầu tư và tạo ra tính công bằng tương đối giữa các nhà đầu tư trong việc tiếp cận thông tin.

b/ Mô hình người sở hữu bên trong công ty:

- Cơ cấu: trong đó sự sở hữu không những tập trung hơn, mà còn có một tỉ lệ đáng kể cổ phiếu được nắm giữ bởi các nhà đầu tư có quan hệ kinh tế gần gũi và rộng rãi với công ty. Các cổ đông có thể bao gồm nhà cung cấp, chủ nợ, khách hàng…. Mô hình này thể hiện rõ nét ở các công ty Đức và Nhật

- Đặc điểm:

+ Hoạt động tài chính của công ty được thực hiện bởi các nhà đầu tư chiến lược, là người có các mối liên kết buôn bán, tài chính và lợi ích lâu dài trong công ty.

+ Cổ đông có thể sử dụng quyền sở hữu của họ trong việc quản trị công ty để tăng cường sức sống và hoạt động lâu dài của công ty. Vì vậy, các nhà đầu tư có thể đưa ra các biện pháp tốt hơn để giúp các công ty vượt qua những thời kỳ làm ăn khó khăn, chứ không phải chỉ đơn giản là bán cổ phiếu hoặc thu hồi các khoản vay.

+ Với đặc điểm là mức độ tham gia sở hữu của các tổ chức đầu tư rất thấp, mà thường là tập trung vào ngân hàng. Cơ cấu tài chính ở mô hình này cho thấy công ty phụ thuộc rất nhiều vào ngân hàng và tỷ lệ nợ trên vốn cổ phần cao. Nhìn chung mô hình này thì thị trường vốn là kém phát triển so với hệ thống người sở hữu ngoài công ty.

+ Một hạn chế khác của mô hình này là vấn đề kiểm soát công ty. Nó tạo điều kiện cho những đối tượng sở hữu bên trong có thể nắm quyền kiểm soát

nhiều công ty, mặc dù họ chỉ sở hữu số lượng cổ phần thiểu số. Phương sách thường được dùng để phân phối lại quyền kiểm soát:

* Sử dụng cơ cấu sở hữu hình tháp. Trong đó, một công ty nắm số cổ phần đủ để kiểm soát một hoặc nhiều công ty khác (tầng 2), mỗi công ty ở tầng hai này lại nắm số cổ phần đủ để kiểm soát một hoặc nhiều công ty khác (tầng 3). Cấu trúc này cho phép những người kiểm soát công ty ở đỉnh tháp có thể kiểm soát tất cả các công ty trong cấu trúc dù số cổ phiếu kiểm soát của họ đối với các công ty đó, đặc biệt là các công ty ở lớp dưới, có khi chỉ rất nhỏ.

* Sử dụng cổ phần chéo được sử dụng để tạo ra những cổ đông hạt nhân quan trọng, đồng thời kết hợp với các phương thức như bảo đảm chéo và thỏa thuận giữa cổ đông để làm giảm ảnh hưởng của các nhà đầu tư nhỏ.

* Phát hành nhiều loại cổ phiếu, theo đó cho phép một nhóm người sở hữu bên trong công ty được thêm quyền bỏ phiếu.

c/ Mô hình sở hữu Nhà nước và gia đình:

- Cơ cấu: Thực chất đây là một hình thức của mô hình sở hữu bên trong.

- Đặc điểm:

+ Thứ nhất là thể hiện vai trò quan trọng của một số lượng nhỏ các gia đình sáng lập viên của các công ty trong nhiều lĩnh vực kinh tế.

+ Thứ hai, thể hiện vai trò giám sát của nhà nước

1.2.3.2. Mô hình quản trị công ty dựa trên cơ cấu quản lý điều hành.

a/ Mô hình một cấp:

- Cấu trúc: Công ty chỉ có một Ban lãnh đạo là Hội đồng quản trị là những người quản lý cao cấp trong công ty và chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý công ty. Để bảo vệ quyền lợi của chủ sở hữu và thực hiện vai trò kiểm tra, giám sát, Hội đồng quản trị có các thành viên không trực tiếp điều hành, đại diện cho lợi ích của cổ đông. Điển hình mô hình này là các công ty ở Anh và Mỹ.

- Đặc diểm:

+ Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được chỉ định để hoạt động như những đại diện trực tiếp của các cổ đông bên ngoài, là những cổ đông có số lượng rất lớn và phân tán cao. Việc hình thành thành viên Hội đồng quản trị

không điều hành với mục đích tạo ra sự độc lập trong vai trò gíam sát và quyết định lương của các thành viên điều hành.

+ Tuy nhiên, xét về mặt pháp lý, các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành cũng chịu trách nhiệm về các quyết định về quản trị công ty như các thành viên điều hành và trong nhiều trường hợp họ cũng là thành viên điều hành của các công ty khác. Điều này có thể dẫn đến sự hạn chế về mức độ độc lập và tính hiệu quả trong vai trò giám sát.

b/ Mô hình quản trị hai cấp:

- Cấu trúc: trong Ban lãnh đạo có hai cấp đại diện cho chủ sở hữu. Hội đồng quản trị để định hướng chiến lược và điều hành doanh nghiệp; Ban giám sát kiểm soát và giám sát các hoạt động doanh nghiệp và thực thi trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban quản lý. Điển hình mô hình này là ở Đức.

- Đặc điểm:

+ Việc hình thành Ban giám sát như hội đồng riêng biệt cho phép phân định rõ hơn về các quyền và trách nhiệm giữa vai trò quản lý giám sát của Hội đồng quản trị và vai trò giám sát song song của chủ sở hữu. Về lý thuyết, mô hình này đảm bảo an toàn hơn cho quyền lợi của chủ sở hữu.

+ Tuy nhiên, Ban giám sát chỉ có thể thực hiện đúng các trách nhiệm của mình nếu có một hành lang pháp lý cần thiết tạo cho ban này một quyền lực, sự độc lập trong vấn đề kiểm soát, giám sát. Để đạt được điều này đòi hỏi một khung pháp lý chặt chẻ và những luồng thông tin hiệu quả giữa cổ đông, Ban giám sát và Hội đồng quản trị.

1.2.4 Những nguyên tắc quản trị công ty:

Các nguyên tắc quản trị công ty là một hệ thống chặt chẽ các quy định điều chỉnh các vấn đề cơ bản của quản trị công ty. Các nguyên tắc này được xây dựng trên cơ sở các thông lệ tốt nhất phát sinh từ thực tiễn quản trị công ty của các nước. Hiện nay, các nguyên tắc quản trị công ty của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) là bộ nguyên tắc quản trị đầu tiên trên thế giới, trở thành một bộ

khung quan trọng cho các nước đi sau nghiên cứu áp dụng. Có 06 nguyên tắc của OECD:

- Đảm bảo cơ sở cho một khuôn khổ quản trị công ty có hiệu quả.
- Quyền của cổ đông và các chức năng sở hữu chủ yếu.
- Đối xử bình đẳng với cổ đông.
- Vai trò của nhà đầu tư trong quản trị công ty, bao gồm cả các chủ nợ.
- Công khai và minh bạch.
- Trách nhiệm của Hội đồng quản trị.

Các nguyên tắc quản trị công ty của OECD, thể hiện ở ba nhóm vấn đề đặc biệt quan trọng sau:

- Thứ nhất, việc thi hành và bắt buộc phải thực hiện là một vấn đề then chốt.

- Thứ hai, quyền lợi của cổ đông không những cần được bảo đảm mà các cổ đông cần phải năng động hơn nữa trong việc thực hiện các quyền này để các doanh nghiệp có thêm những động lực mạnh hơn nhằm thực hiện quản trị công ty tốt. Tính rõ ràng và tính công khai hợp lý là một yếu tố thiết yếu khuyến khích các cổ đông cũng như các nhà đầu tư tham gia quản trị công ty một các hiệu quả.

- Thứ ba, Hội đồng quản trị giữ vai trò quan trọng trong việc quản trị có hiệu quả, thực hiện chức năng của một bản lề giữa các cổ đông và Ban quản lý. Điều này đòi hỏi các thành viên Hội đồng quản trị phải có năng lực phán xét độc lập để có thể giám sát hoạt động của Ban quản lý; phải giải quyết được những xung đột tiềm tàng về lợi ích của các thành viên; bảo đảm tính chính trực của hệ thống tài chính kế toán; lựa chọn các thành viên chủ chốt của Ban quản lý; Chỉ đạo dẫn dắt một chiến lược cho toàn thể doanh nghiệp.

2. Quan hệ giữa quản trị công ty và chất lượng báo cáo tài chính.

2.1 Báo cáo tài chính tại Việt nam

2.1.1. Mục đích của báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính dùng để cung cấp thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh và các luồng tiền của một doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu quản lý của

doanh nghiệp, cơ quan nhà nước và nhu cầu của những người sử dụng khác trong việc đưa ra các quyết định kinh tế. Báo cáo tài chính phải cung cấp những thông tin của một doanh nghiệp về:

- Tài sản;
- Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu;
- Doanh thu, thu nhập khác, chi phí kinh doanh và chi phí khác;
- Lãi lỗ và phân chia kết quả kinh doanh;
- Thuế và các khoản nộp nhà nước;
- Tài sản khác có liên quan đến đơn vị kế toán;
- Các luồng tiền

Ngoài các thông tin này, doanh nghiệp còn phải cung cấp các thông tin khác trong " Bảng thuyết minh báo cáo tài chính" nhằm giải trình thêm về các chỉ tiêu đã phản ảnh trên các báo cáo tài chính tổng hợp và các chính sách sách kế toán đã áp dụng để ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, lập và trình bày báo cáo tài chính.

2.1.2. Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp:

Theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính, các doanh nghiệp phải lập 4 báo cáo sau:

Bảng cân đối kế toán: Đây là bảng báo cáo tài chính tổng hợp vô cùng quan trọng của doanh nghiệp, vì nó phản ảnh được một cách tổng quát về tình hình nguồn vốn, tài sản cũng như cơ cấu tài sản và nguồn vốn hình thành nên tài sản đó của doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định mà trong bảng báo cáo ghi rõ, từ đó giúp các nhà sử dụng báo cáo tài chính có sự phân tích, đánh giá và cái nhìn tổng quát hơn về những triển vọng kinh tế, tài chính của doanh nghiệp mà họ quan tâm. Bảng cân đối kế toán được chia làm hai phần, đó là phần tài sản và phần nguồn vốn. Khi xem xét về phần tài sản, các chỉ tiêu trong phần tài sản cho phép đánh giá một cách tổng quát về toàn bộ giá trị tài sản hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, hay nói cách khác nó phản ảnh năng lực về vốn cũng như tiềm lực kinh tế mà doanh nghiệp có quyền quản lý, sử dụng lâu dài gắn với mục đích thu được các khoản lợi ích trong tương lai. Khi xem xét nguồn vốn, với các chỉ tiêu được thể hiện phần này sẽ giúp cho nhà sử dụng sẽ hiểu được thực trạng tài chính, nguồn hình thành tài sản

hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, đồng thời nó còn thể hiện trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp về vốn đăng ký kinh doanh, cũng như tài sản đang quản lý và sử dụng, chẳng hạn như các khoản nợ thuế, nợ tiền lương nhân công, nợ nhà cung cấp,….

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một báo cáo tài chính phản ảnh một cách tổng quát về các khoản doanh thu và thu nhập, chi phí và kết quả kinh doanh do các hoạt động khác nhau tạo ra doanh thu và thu nhập khác của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được các nhà đầu tư rất coi trọng trong việc lựa chọn đối tác kinh doanh hay chọn mua cổ phiếu. Một báo cáo kinh doanh tốt giúp cho doanh nghiệp có bộ mặt tài chính hiệu quả và nâng cao uy tín doanh nghiệp, tạo lòng tin đối với công chúng cũng như các đối tác của mình.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: đây là một báo cáo tài chính phản ảnh các khoản thu chi tiền của doanh nghiệp theo từng hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính nhằm trình bày cho người sử dụng báo cáo tài chính biết nguồn gốc phát sinh của tiền tệ trong báo cáo. Từ đó có thể giúp họ phân tích, đánh giá và đưa ra các dự đoán phục vụ cho mục đích của mình. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ bao gồm 3 phần, phần 1 phản ảnh toàn bộ dòng tiền được lưu chuyển có liên quan đến các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như tiền thu bán hàng, chi phí tiền trả cho nhà cung cấp,…; phần 2 phản ảnh toàn bộ dòng tiền lưu chuyển từ các hoạt động đầu tư như tiền mua sắm tài sản cố định, tiền góp vốn liên doanh, tiền đầu tư chứng khoán, tiền cho vay,…; phần 3 phản ảnh toàn bộ luồng tiền được lưu chuyển từ các hoạt động tài chính như góp vốn, vay vốn, phát hành chứng khoán□. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giúp cho các đối tượng sử dụng nhất là chủ doanh nghiệp theo dõi và quản lý được luồng tiền lưu động trong doanh nghiệp một cách chi tiết và hiệu quả hơn.

Thuyết minh báo cáo tài chính: thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành hệ thống báo cáo tài chính trong kỳ báo cáo. Nó thể hiện khái quát đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp, các chế độ kế toán mà doanh nghiệp sử dụng,

từ đó cung cấp các thông tin cần thiết giúp cho việc đánh giá kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong thời kỳ báo cáo thêm chính xác.

2.1.3. Nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính tuân thủ sáu nguyên tắc đã được quy định tại VAS 21 - Trình bày báo cáo tài chính, gồm:

*** Hoạt động liên tục:**

Báo cáo tài chính phải được lập trên cơ sở giả định là doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động bình thường trong tương lai gần, nghĩa là doanh nghiệp không có ý định cũng như không buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình. Trường hợp thực tế khác với giả định hoạt động liên tục thì báo cáo tài chính phải lập trên một cơ sở khác và phải giải thích cơ sở đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

*** Cơ sở dồn tích:**

Mọi nghiệp vụ kinh tế, tài chính của doanh nghiệp liên quan đến tài sản, nợ phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu, doanh thu, chi phí, phải được ghi sổ kế toán vào thời điểm phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực tế thu hoặc thực tế chi tiền hoặc tương đương tiền. Báo cáo tài chính lập trên cơ sở dồn tích phản ảnh tình hình tài chính của doanh nghiệp trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

*** Trọng yếu và tập hợp:**

Từng khoản mục trọng yếu phải được trình bày riêng biệt trong báo cáo tài chính. Các khoản mục không trọng yếu thì không phải trình bày riêng rẽ mà được tập hợp vào những khoản mục có cùng tính chất hoặc chức năng.

Thông tin được coi là trọng yếu trong trường hợp nếu thiếu thông tin hoặc thiếu chính xác của thông tin đó có thể làm sai lệch đáng kể báo cáo tài chính, làm ảnh hưởng đến quyết định kinh tế của người sử dụng báo cáo tài chính. Tính trọng yếu phụ thuộc vào độ lớn và tính chất của thông tin hoặc các sai sót được đánh giá trong hoàn cảnh cụ thể. Tính trọng yếu của thông tin phải được xem xét trên cả phương diện định lượng và định tính.

*** Bù trừ:**

Bù trừ tài sản và nợ phải trả:

Khi ghi nhận các giao dịch kinh tế và các sự kiện để lập và trình bày báo cáo tài chính không được bù trừ tài sản và công nợ, mà phải trình bày riêng biệt tất cả các khoản mục tài sản và công nợ trên báo cáo tài chính.

Bù trừ doanh thu và chi phí:

+ Được bù trừ theo quy định tại một chuẩn mực kế toán khác.

+ Một số giao dịch ngoài hoạt động kinh doanh bình thường của doanh nghiệp thì được bù trù khi ghi nhận giao dịch và trình bày báo cáo tài chính.

*** Có thể so sánh:**

Các thông tin và số liệu kế toán giữa các kỳ kế toán trong một doanh nghiệp và giữa các doanh nghiệp chỉ có thể so sánh được khi tính toán và trình bày nhất quán. Trường hợp không nhất quán thì phải giải trình trong phần thuyết minh để người sử dụng báo cáo tài chính có thể so sánh thông tin giữa các kỳ kế toán, giữa các doanh nghiệp hoặc giữa thông tin thực hiện với thông tin dự toán, kế hoạch.

2.1.4 Chất lượng Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính có chất lượng là báo cáo tài chính có độ tin cậy cao, tuân thủ các chuẩn mực kế toán và các chế độ kế toán hiện hành; đảm bảo các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung (GAAP), không có những gian lận và sai sót trọng yếu.

2.2 Quan hệ giữa quản trị công ty và chất lượng báo cáo tài chính.

2.2.1 Xét trên phương diện lý luận:

2.2.1.1 Lập báo cáo tài chính

Quá trình lập báo cáo tài chính là công việc thông qua chu kỳ kế toán gồm:

Thứ nhất: là việc phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào các chứng từ theo mẫu quy định, theo thời gian và địa điểm phát sinh của các nghiệp vụ đó. Chứng từ là cơ sở để ghi sổ kế toán, với nội dung quy định trong chứng từ, phương

pháp lập chứng từ làm số liệu kế toán phải phản ánh kịp thời, đầy đủ và chính xác mọi hoạt động của doanh nghiệp.

Thứ hai: phân loại các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào các tài khoản kế toán để phản ánh và giám đốc một cách thường xuyên liên tục và có hệ thống từng đối tượng kế toán riêng biệt trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Mỗi đối tượng kế toán riêng biệt có nội dung kinh tế khác nhau, có yêu cầu quản lý khác nhau nên mỗi đối tượng kế toán riêng biệt được mở một tài khoản tương ứng.

Thứ ba: tổng hợp số liệu đã ghi chép , tiến hành kiểm tra đối chiếu lẫn nhau để thiết lập các báo cáo kế toán. Báo cáo kế toán được tổng hợp số liệu từ các sổ kế toán theo các chỉ tiêu kinh tế về tài sản và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cuả doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Các công việc kế toán trên phải được thực hiện đồng thời trong mối quan hệ hữu cơ của chúng. Qua đó có thể thấy rằng báo cáo tài chính của doanh nghiệp chính là kết quả cuối cùng của công tác kế toán.

Như vậy, bản chất của báo cáo tài chính là phản ánh sự kết hợp cuả những sự kiện xảy ra trong quá khứ với những nguyên tắc kế toán đã được thừa nhận và những đánh giá của cá nhân, nhằm chủ yếu cung cấp thông tin tài chính hữu ích cho các đối tượng sử dụng.

2.2.1.2 Các nhân tố tác động đến quá trình lập báo cáo tài chính:

Quá trình lập báo cáo tài chính có thể tóm tắt trong hình 1:

Hình 1:

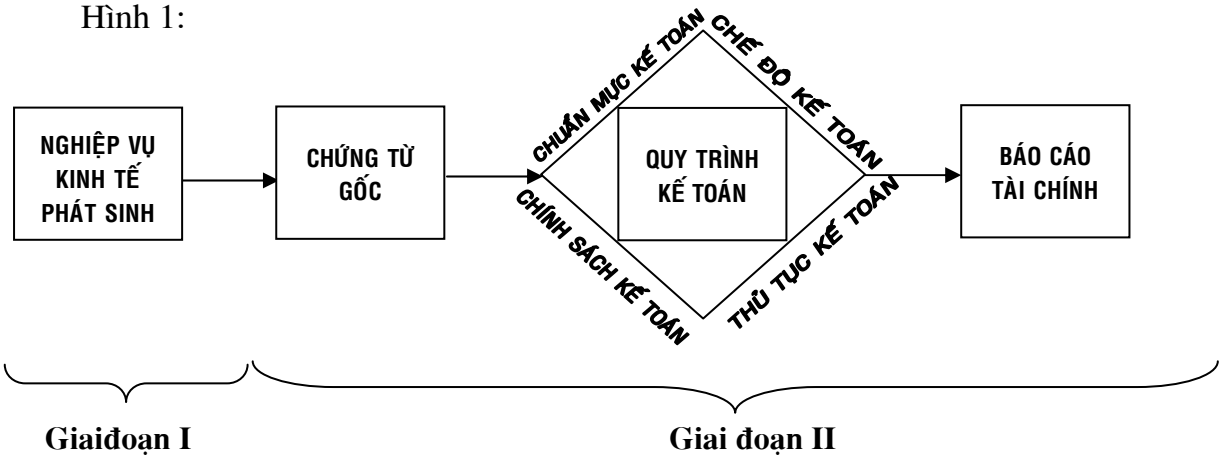

Qua hình 1, chúng ta có những nhận xét sau:

a) Yếu tố chất lượng: chất lượng báo cáo tài chính chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi các yếu tố gian lận và sai sót. Báo cáo tài chính có chất lượng phụ thuộc vào chất lượng của những yếu tố này trong từng giai đoạn của quá trình lập báo cáo tài chính.

- Giai đoạn 1: chủ yếu là gian lận.
- Giai đoạn 2: gian lận và sai sót.

Việc phân định này nhằm giúp chúng ta sẽ có những hành động phù hợp cho từng giai đoạn.

b) Đối tượng tham gia trực tiếp trong quá trình hình thành báo cáo tài chính:

- Giai đoạn 1: Ban điều hành — người ra các quyết định kinh doanh từ đó hình thành các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- Giai đoạn 2: Nhân viên kế toán — người tổ chức, thực hiện các kỷ thuật kế toán theo các quy định, chuẩn mực, thủ tục, quy trình để hình thành báo cáo tài chính.

c) Đối tượng tham gia gián tiếp quá trình hình thành báo cáo tài chính:

- Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán: Đề ra định hướng về các quy trình, thủ tục nội bộ về lập báo cáo tài chính và giám sát quá trình thực hiện theo đúng yêu cầu đã đưa ra.
- Kiểm toán nội bộ: kiểm tra việc thực hiện
- Kiểm toán độc lập: chức năng đảm bảo
- Cơ quan quản lý khác: xây dựng chuẩn mực, chế độ kế toán; giám sát quá trình thực hiện những yêu cầu này.

Các nhân tố tác động đến quá trình lập báo cáo tài chính bao gồm bên trong lẫn bên ngoài của doanh nghiệp. Các thành phần bên trong bao gồm: Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán; Ban điều hành, kiểm toán nội bộ. Yếu tố bên ngoài bao gồm: kiểm toán độc lập và các cơ quan quản lý khác.

2.2.1.3 Cơ cấu và nhiệm vụ các nhân tố tham gia quá trình hình thành báo cáo tài chính có chất lượng:

Trong sáu nguyên tắc của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế phát hành năm 2004, nội dung quản trị công ty liên quan báo cáo tài chính thể hiện ở nguyên tắc thứ sáu: " Trách nhiệm của Hội đồng quản trị". Điều này được hiểu: Hội đồng quản trị thực hiện chức năng là chìa khóa, nhằm đảm bảo sự chính trực hệ thống lập báo cáo tài chính kế toán của công ty bao gồm chức năng kiểm tra và các chế độ phù hợp cho các hoạt động kiểm soát, hệ thống giám sát rủi ro và tuân thủ đúng pháp luật.

Qua xem xét hai nghiên cứu của Liên đoàn các chuyên gia kế toán Châu Âu và của Giáo sư Zabihollah Rezaee, đại học Memphis của Mỹ, đây là hai đại diện cho mô hình quản trị hai cấp (Châu âu) và một cấp (Mỹ).

- Trong báo cáo Liên đoàn các chuyên gia kế toán Châu Âu với tiêu đề: " Những khía cạnh của quản trị công ty về báo cáo tài chính và kiểm toán" (Discussion paper on the financial reporting and auditing aspects of corporate governance) tháng 07 năm 2003 tập trung vào năm nhóm vấn đề: Hội đồng quản trị không điều hành và Ban giám sát; Uỷ ban kiểm toán; Kiểm soát nội bộ; Kiểm toán nội bộ; Kiểm toán độc lập.

- Trong nghiên cứu của Zabihollah Rezaee tháng 08 năm 2002 với tiêu đề: " Vai trò quản trị công ty đối với báo cáo tài chính, (Coporate governance role in financial reporting) Ông đưa ra mô hình công cụ 06 chân (The six - legged stool) gồm: Hội đồng quản trị; Uỷ ban kiểm toán; Ban quản lý cấp cao; Kiểm toán độc lập; Kiểm toán nội bộ; Các cơ quan quản lý.

a) Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị là thành phần bên trong quan trọng của doanh nghiệp nhận ủy quyền từ cổ đông thông qua bầu cử.

- Cần thiết lập các ủy ban nhằm hỗ trợ cho Hội đồng quản trị:

+ Ủy ban đề cử ;

+ Ủy ban điều hành;

+ Ủy ban kiểm toán;

+ Ủy ban khen thưởng và bồi thường.

- Nhiệm vụ chính của Hội đồng quản trị là ngăn ngừa sự tập trung quyền lực của một nhóm người trong Ban điều hành, đảm bảo rằng không có bất cứ một cá nhân hoặc một nhóm người nào trong công ty có quyền lực không giới hạn.

- Xây dựng các chính sách nhằm tối thiểu hóa việc xung đột lợi ích giữa Ban điều hành và lợi ích của công ty. Quyết định mức lương, thưởng và xử lý bồi thường đối với Ban điều hành.

- Ban hành các quy tắc đạo đức kinh doanh và nội quy hoạt động cho từng thành viên Hội đồng quản trị và Ban quản lý.

- Những điểm cần khắc phục của Hội đồng quản trị: đó là mức độ tham gia của từng thành viên đối với hoạt động của doanh nghiệp. Có 3 trường hợp sau:

+ Nếu họ hoàn toàn không tham gia thì họ không có ý nghĩa gì trong công ty.

+ Nếu tham gia quá nhiều thì sẽ giảm mức độ khách quan.

+ Nếu tham gia không đủ thì họ sẽ không đủ hiểu rõ tình hình công ty để đưa ra những đánh giá độc lập.

Một trong những chức năng quan trọng của Hội đồng quản trị là thay mặt cổ đông giám sát hoạt động của công ty. Hội đồng quản trị một mặt có trách nhiệm hổ trợ, tư vấn cho Ban điều hành trong các quyết định quan trọng, mặt khác có trách nhiệm phát hiện và ngăn ngừa việc bóp méo thông tin tài chính lừa gạt các nhà đầu tư. Peasnell, Pope, Young nghiên cứu các công ty ở Anh trong khoảng thời gian 1993 — 1996 và thấy rằng trong các công ty mà tính độc lập của Hội đồng quản trị càng cao thì tình trạng phù phép báo cáo tài chính càng ít. (Peasnell KV, Pope PF and Young SE, 2005, 'Board monitoring and earnings management: do outside directors influence abnormal accruals?', *Journal of Business Finance and Accounting*, vol 32(7-8), pp 1311-1346).

b) Ủy ban kiểm toán

- Tầm quan trọng của Ủy ban kiểm toán:

+ Ủy ban kiểm toán là yếu tố quan trọng trong quá trình quản trị công ty.

+ Đảm bảo chất lượng quá trình lập báo cáo tài chính, giám sát và đánh giá tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ và chức năng kiểm toán nội bộ.

- Cơ cấu của Ủy ban kiểm toán

+ Ủy ban kiểm toán là ủy ban thường trực, bao gồm những thành viên Hội đồng quản trị độc lập và không điều hành. Thay mặt Hội đồng quản trị Ủy ban kiểm toán được phép thực hiện chức năng vai trò giám sát quan trọng trong quá trình quản trị công ty, với mục đích bảo vệ nhà đầu tư.

+ Thành viên ủy ban kiểm toán phải do Ban giám sát chỉ định.

+ Các thành viên Ủy ban kiểm toán phải là những hiểu biết về nghề nghiệp và từng làm công tác kế toán, hiểu biết về hoạt động của công ty, độc lập về nhiệm vụ. Trong Ủy ban kiểm toán phải có ít nhất một chuyên gia về tài chính.

+ Tất cả các công ty niêm yết bắt buộc phải có Ủy ban kiểm toán.

- Nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán:

+ Trách nhiệm của Ủy ban kiểm toán là xem xét, giám sát tính chính trực, chất lượng và sự tin cậy của các báo cáo tài chính mà không bị ảnh hưởng bất cứ một sự tác động nào từ phía Ban điều hành. Để đạt được điều này, Ủy ban kiểm toán phải thường xuyên chuyển tải những thông tin tài chính đến Hội đồng quản trị, làm giảm tình trạng bất cân xứng về thông tin giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

+ Chịu trách nhiệm thuê và giám sát các hoạt động của kiểm toán độc lập, bao gồm việc giám sát những nguy cơ có thể ảnh hưởng đến tính độc lập của kiểm toán viên.

+ Giám sát các chức năng kiểm toán ở hai khía cạnh bên trong lẫn bên ngoài: Bên trong: Giám sát các thủ tục kiểm toán và hệ thống quản trị rủi ro. Bên ngoài: Lựa chọn và đề xuất cho đại hội cổ đông để thuê đơn vị kiểm toán độc lập. Giám sát các mối quan hệ giữa Ban điều hành với các chức năng kiểm toán nhằm đảm bảo tính độc lập của các bộ phận này.

+ Một trong những nhiệm vụ quan trọng của Ủy ban kiểm toán là đánh giá hoạt động của kiểm toán nội bộ, cụ thể:

* Đảm bảo Trưởng ban kiểm toán nội bộ được tiếp cận trực tiếp với Ban giám sát cũng như Ủy ban kiểm toán.

* Đảm bảo chức năng kiểm toán nội bộ chịu trách nhiệm nghề nghiệp trước Ủy ban kiểm toán.

* Xem xét và đánh giá các kế hoạch làm việc của chức năng kiểm toán nội bộ.

* Nhận những báo cáo về việc thực hiện các kế hoạch cũng như báo cáo hằng năm của chức năng kiểm toán nội bộ.

* Kiểm tra và giám sát phản ứng của Ban điều hành trong việc thực hiện những phát hiện và khuyến nghị của kiểm toán nội bộ.

* Tham gia cuộc họp với Trưởng ban kiểm toán nội bộ ít nhất một năm một lần mà không có sự tham gia của Ban điều hành.

* Giám sát và đánh giá vai trò và tính hữu hiệu của chức năng kiểm toán nội bộ trong phạm vi tổng thể của hệ thống quả trị rủi ro của doanh nghiệp.

*c) **Ban điều hành cấp cao***

- Ban điều hành cấp cao thể hiện vai trò quan trọng trong việc đảm bảo quản trị công ty hiệu quả và đáng tin cậy trong điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để đạt được mục tiêu tăng giá trị cho cổ đông.

- Ban điều hành, thông qua ủy quyền của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm xây dựng và điều hành chiến lược của doanh nghiệp, bảo vệ các nguồn lực tài chính, tuân theo các quy định và luật pháp hiện hành nhằm đảm bảo tính hiệu quả và hiệu lực quá trình hoạt động.

- Thiết lập, duy trì và cải tiến thường xuyên hệ thống kiểm soát nội bộ và hệ thống quản lý rủi ro.

- Xây dựng chính sách kế toán nhằm đảm bảo các thông tin tài chính công bố là hợp lý, trung thực và không có sai sót trọng yếu. Ban điều hành chịu trách nhiệm chính về chất lượng, tính trung thực và minh bạch của quá trình lập báo cáo tài chính.

- Ban điều hành có thể thực hiện đưa ra báo cáo tài chính không trung thực một khi:

+ Sự thiếu cẩn trọng và hiệu quả của chức năng giám sát của Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán thiếu trách nhiệm trong việc thu thập thông tin.

+ Lợi ích của cá nhân quá liên quan đến phúc lợi của công ty thông qua việc chia lãi, kế hoạch thưởng cổ phiếu và các khoản tiền thưởng khác.

+ Ban điều hành có khuynh hướng muốn chuyển những rủi ro các nhân sang công ty.

d) Kiểm toán nội bộ

- Kiểm toán nội bộ là hoạt động bảo đảm và tư vấn manh tính độc lập, khách quan và được thiết lập nhằm tăng thêm giá trị và cải thiện cho hoạt động của tổ chức. Kiểm toán nội bộ giúp cho tổ chức hoàn thành mục tiêu thông qua việc đưa ra một cách tiếp cận có hệ thống và kỷ cương nhằm đánh giá và cải thiện tính hữu hiệu trong quản trị rủi ro, kiểm soát và giám sát.

- Vai trò kiểm toán nội bộ:

+ Kiểm toán nội bộ là chức năng không thể thiếu trong quản trị công ty. Chuyên môn của họ trong việc kiểm soát nội bộ là điều quan trọng đầu tiên trong việc đảm bảo tính chính trực và trung thực của báo cáo tài chính. Chức năng kiểm toán nội bộ được xem là những nhân tố quan trọng góp phần trong việc đạt được tính hiệu lực và hiệu quả của một tổ chức.

+ Phát hiện gian lận và sai sót trong quá trình lập báo cáo tài chính.

+ Giám sát tiến trình vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ và nhận dạng mọi cơ hội cải tiến hệ thống này. Đánh giá nguồn lực công ty để sử dụng phù hợp tránh lãng phí, thất thoát. Làm việc với kiểm toán độc lập của công ty về những vấn đề liên quan. Đề xuất chính sách bảo vệ tài sản và quản lý rủi ro.

- Trong khi hoạt động của kiểm toán độc lập giới hạn ở việc kiểm tra mức độ trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính, hoạt động của kiểm toán nội bộ không bị giới hạn ở bất kỳ phạm vi nào trong công ty, từ mua hàng, sản xuất, bán hàng đến quản lý tài chính, nhân sự hay công nghệ thông tin. Mục đích của kiểm toán nội bộ là phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp, chứ không phải cho đối tác bên ngoài.

Kiểm toán nội bộ không chỉ đánh giá các yếu kém của hệ thống quản lý mà còn đánh giá các rủi ro cả trong và ngoài công ty.

e) Kiểm toán độc lập

Một nhân tố không thể thiếu để đảm bảo chất lượng báo cáo tài chính là kiểm toán độc lập. Thông thường các kiểm toán viên chuyên nghiệp có kiến thức sâu hơn về tài chính kế toán so với các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ủy ban kiểm toán, cho phép họ có thể phát hiện ra những thủ thuật tinh vi nhằm bóp mép thông tin trên báo cáo tài chính. Kiểm toán viên cũng có tính độc lập cao hơn so với các thành viên quản lý khác trong công ty.

- Vai trò của kiểm toán độc lập trong quản trị công ty là làm tăng độ tin cậy các báo cáo tài chính được công bố. Thông qua việc kiểm toán những báo cáo tài chính, kiểm toán độc lập đưa ra sự đảm bảo hợp lý rằng các nhà đầu tư sẽ nhận được những thông tin tài chính trung thực, minh bạch, hữu ích.

- Tầm quan trọng của kiểm toán độc lập:

Công chúng đặt lòng tin vào sự đánh giá cũng như uy tín của kiểm toán viên, điều này chứng minh rằng chức năng kiểm toán là dịch vụ làm tăng giá trị bằng cách làm nâng cao độ tin cậy của báo cáo tài chính. Người sử dụng báo cáo tài chính kỳ vọng kiểm toán viên có thể phát hiện tất cả những gian lận của báo cáo tài chính, sự bất tuân của nhân viên, những hành động bất hợp pháp mà có ảnh hưởng đến tính chính trực của báo cáo tài chính. Nói một cách khác, kiểm toán viên độc lập phải thấy được tầm quan trọng của những gian lận tài chính đối với những người sử dụng báo cáo tài chính như thế nào và họ cần tuân thủ những chuẩn mực nghề nghiệp và phải quan tâm hơn những sai sót trọng yếu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

f) Các cơ quan quản lý

Các cơ quan quản lý có ảnh hưởng đến quá trình lập báo cáo tài chính cũng như quản trị của các công ty niêm yết là *(theo quan điểm của Zabihollah Rezaee tại Mỹ)*:

- Ủy ban chứng khoán nhà nước (SEC);
- Viện kế toán công chứng Mỹ (AICPA);

- Ủy ban chuẩn mực kế toán tài chính (FASB);
- Các Sở giao dịch chứng khoán (NYSE, NASDAQ).

Như vậy, chất lượng báo cáo tài chính tùy thuộc vào chất lượng thực hiện chức năng của các nhân tố trong quá trình lập báo cáo tài chính. Những nhân tố này chính là cấu thành của hệ thống quản trị công ty. Cơ cấu này có thể được tóm tắt trong mô hình sau *(hình 2)*. Mô hình này cho thấy sự tác động qua lại giữa các bên liên quan trong việc đảm bảo quản trị công ty có trách nhiệm, quá trình lập báo cáo tài chính trung thực, một cấu trúc hệ thống kiểm soát nội bộ hợp lý, hiệu quả và chức năng kiểm tra đầy đủ.

Hình 2:

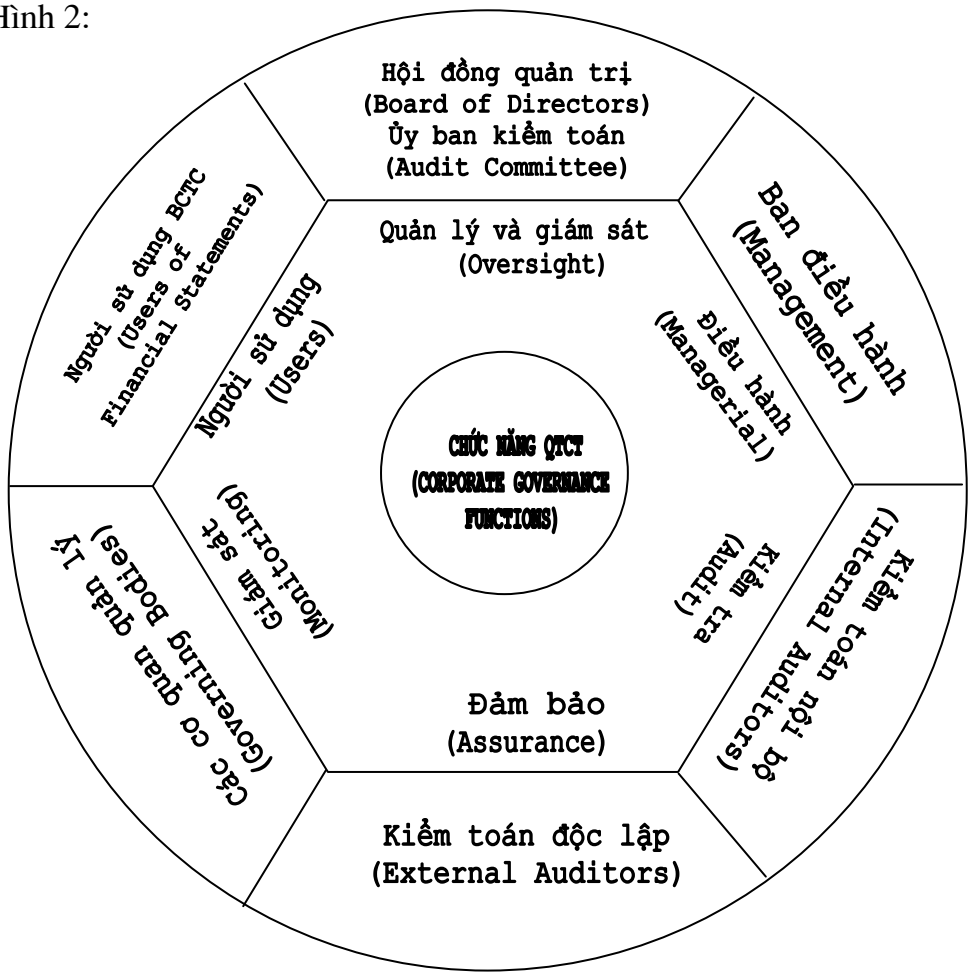

2.2.2 Xét trên phương diện thực tế:

Có nhiều nghiên cứu trên thế giới đã chứng minh sự tác động của quản trị công ty đến báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Dưới đây, luận văn trình bày nghiên cứu của Giáo sư David B.Farber (Đại học Michigan — Mỹ) tháng 10/2004, với tiêu đề: " Khôi phục lòng tin sau gian lận: có phải từ vấn đề quản trị công ty" (Restoring trust after fraud: does corporate governance matter?).

a/ Đối tượng nghiên cứu: các công ty niêm yết có gian lận trong giai đoạn từ năm 1982 đến 2000 đã bị Ủy ban chứng khoán và hối đoái Hoa kỳ công bố. Trong giai đoạn này có 1.357 bị nêu tên. Tuy nhiên trong đó có 1.067 công ty không liên quan gian lận báo cáo tài chính, 195 công ty không xác định dữ liệu báo cáo tài chính, 8 công ty không có số liệu so sánh. Như vậy nghiên cứu này thực hiện trên 87 công ty có gian lận báo cáo tài chính.

b/ Phương pháp nghiên cứu: so sánh sự thay đổi những yếu tố quản trị công ty có liên quan đến báo cáo tài chính của những công ty này vào thời điểm phát hiện gian lận và được kiểm soát ở thời điểm 3 năm sau đó. Những yếu tố quản trị công ty trong nghiên cứu là:

- Tỉ lệ thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành. Sự kiêm nhiệm hai chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.
- Hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
- Chất lượng của kiểm toán độc lập.

c/ Những kết luận chính:

- Những gian lận chủ yếu của Báo cáo tài chính:
  + Giao dịch giả: có 52 công ty, chiếm 60% mẫu nghiên cứu.
  + Sự khác biệt về thời gian giữa doanh thu và chi phí: có 31 công ty, chiếm 36% mẫu nghiên cứu.
  + Các gian lận khác: 04 công ty, chiếm 4% mẫu nghiên cứu.
- So với công ty được kiểm soát thì những công ty gian lận có số lượng và tỉ lệ thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành ít hơn.

- Số lượng và tỉ lệ Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc trong những công ty có gian lận có nhiều hơn.

- Số lượng thành viên có kinh nghiệm về kế toán tài chính trong Ủy ban kiểm toán của công ty gian lận có ít hơn. Và số lượng cuộc họp của Ủy ban kiểm toán cũng ít hơn.

- Số lượng công ty được kiểm soát thuê đơn vị kiểm toán nằm trong nhóm Big 4 tăng lên so với 3 năm trước.

3. Kinh nghiệm các nước trong việc nâng cao chất lượng quản trị công ty để nâng cao chất lượng báo cáo tài chính.

Qua phần trên, chúng ta nhận thấy rằng chất lượng quản trị công ty có ảnh hưởng đến chất lượng của báo cáo tài chính. Một hệ thống quản trị công ty tốt sẽ đảm bảo kiểm soát được quá trình lập báo cáo tài chính để cung cấp những thông tin tài chính hợp lý, trung thực và minh bạch.

Sau hàng loạt sự đổ vỡ của các công ty niêm yết trên thế giới vào đầu thế kỷ 21, các nhà làm luật và những nhà quản lý đã bắt đầu quan tâm đến quản trị công ty cũng như tính chính trực, minh bạch và chất lượng của báo cáo tài chính. Đặc biệt, tại Mỹ, đạo luật Sarbanes — Oxley ra đời năm 2002 nhằm cải tiến quản trị công ty, nâng cao độ tin cậy và chất lượng báo cáo tài chính.

3.1 Hành động phòng ngừa

3.1.1 Hội đồng quản trị:

- Giới hạn tổng số thành viên Hội đồng quản trị không quá 15 người và số lượng thành viên tham gia điều hành không quá 1/3 số thành viên Hội đồng quản trị.

- Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải là người không có quan hệ vật chất với công ty và không thể là một nhân viên cũ cho đến năm năm sau thôi việc.

- Trong công ty niêm yết, đối với hệ thống một cấp, tuyệt đối hai chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải là hai người khác nhau.

- Hằng năm tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị không điều hành mà không có sự tham dự của Tổng giám đốc.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị là người ký tất cả các Báo cáo tài chính trước khi công bố ra bên ngoài nhằm tăng cường trách nhiệm trong việc giám sát quá trình lập Báo cáo tài chính.

- Hằng năm, các thành viên Hội đồng quản trị phải tự đánh giá về nhiệm vụ của mình trong chức năng giám sát.

- Điểm mấu chốt của thành viên Hội đồng quản trị thành công là năng lực thể hiện và hành động độc lập với công việc điều hành.

- Xem xét những yếu tố những nguyên tắc có nguy cơ vi phạm đến tính độc lập, cần xây dựng những quy định chi tiết nhằm đảm bảo các thành viên là khách quan trong thực hiện nhiệm vụ.

- Mỗi thành viên cần thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban giám sát bất kỳ sự xung đột lợi ích nào có nguy cơ làm giảm tính độc lập.

3.1.2 Ban quản lý cấp cao:

- Chất lượng, tính trung thực và minh bạch của báo cáo tài chính chỉ có thể được cải tiến khi quá trình lập báo cáo tài chính của công ty lệ thuộc vào sự giám sát cẩn thận của Hội đồng quản trị, ủy ban kiểm toán, kiểm toán nội bộ, kiểm toán độc lập và các cơ quan quản lý.

- Đạo luật Sarbanes — Oxley năm 2002 của Mỹ yêu cầu Ban điều hành (Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng) của công ty đại chúng trong việc tăng cường cải tiến trách nhiệm giải trình, tính đầy đủ và chính xác việc công bố thông tin tài chính:

+ Phải xác nhận tính chính xác và đầy đủ các báo cáo tài chính của công ty.

+ Chịu trách nhiệm thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ thích hợp và hiệu quả.

+ Chịu trách nhiệm thông báo cho kiểm toán độc lập và Ủy ban kiểm toán về kế hoạch và đánh giá định kỳ về tính hiệu quả cũng như những thiếu sót đáng kể của hệ thống kiểm soát nội bộ.

+ Không có bấc kỳ hành động nào nhằm gây áp lực, lôi kéo gian lận hoặc lừa dối kiểm toán viên trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính.

+ Buộc phải hoàn trả các khoản tiền thưởng, cổ phiếu thưởng một khi công ty bị yêu cầu lập lại báo cáo tài chính do không tuân thủ những yêu cầu trong quá trình lập báo cáo tài chính.

+ Phải tuân thủ các quy tắc đạo đức của công ty.

3.2 Hành động phát hiện

3.2.1 Ủy ban kiểm toán:

Sở giao dịch chứng khoán New York đã đưa ra những khuyến nghị nhằm tăng quyền lực cho Ủy ban kiểm toán:

- Giao cho Ủy ban kiểm toán quyền quyết định thuê mướn hay từ chối các kiểm toán viên độc lập, và phê duyệt bất kỳ quan hệ phi kiểm toán đáng kể nào với các kiểm toán viên độc lập.

- Ít nhất một năm một lần, Ủy ban kiểm toán phải tiếp nhận và xem xét báo cáo của kiểm toán viên độc lập về: các quy trình kiểm tra chất lượng nội bộ của công ty, bất kỳ vấn đề quan trọng nào về kiểm tra chất lượng nội bộ mới nhất.

- Kiểm tra tất cả các mội quan hệ giữa kiểm toán viên độc lập và công ty nhằm mục đích đánh giá sự độc lập của kiểm toán viên.

- Được sự cố vấn và hổ trợ của các nhà cố vấn pháp lý, kế toán và các nhà cố vấn khác không làm cho công ty.

- Được tiếp xúc riêng với Ban điều hành, kiểm toán viên nội bộ và với các kiểm toán viên độc lập; và cùng kiểm toán viên độc lập rà soát bất kỳ vấn đề hay gút mắc nào về kiểm toán.

3.2.2 Kiểm toán nội bộ:

a/ Nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ:

- Đánh giá tính hiệu lực và hiệu quả các hoạt động.

- Đánh giá sự phù hợp và tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc đạt được các mục tiêu đã đề ra.

- Đánh giá quá trình lập báo cáo tài chính nhằm đảm bảo đến chất lượng và tính chính trực, hữu ích và minh bạch của các thông tin tài chính cho việc ra quyết định.

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị có trách nhiệm.

- Ngăn ngừa, phát hiện và khắc phục những gian lận được phát hiện trong tổ chức, đặc biệt là gian lận báo cáo tài chính có nguy cơ ảnh hưởng tính chính trực và chất lượng của thông tin tài chính.

b/ Đặc điểm chức năng kiểm toán nội:

- Các công ty niêm yết phải có chức năng kiểm toán nội bộ.

- Tính độc lập của kiểm toán nội bộ là rất quan trọng để đảm bảo kiểm toán viên có thể giám sát hiệu quả quá trình lập báo cáo tài chính. Để đạt được sự độc lập, Trưởng ban kiểm toán nội bộ phải được chỉ định bởi Ủy ban kiểm toán và Trưởng ban phải có trách nhiệm báo cáo cho Ủy ban kiểm toán, Giám đốc điều hành hoặc chuyên gia tài chính - người mà không liên quan trực tiếp đến quá trình lập báo cáo tài chính.

3.2.3 Kiểm toán độc lập:

Vai trò của kiểm toán độc lập trong quản trị công ty thể hiện ở tính độc lập và khách quan của kiểm toán viên.

Đạo luật Sarbanes — Oxley đã có những yêu cầu để nâng cao vai trò kiểm toán độc lập trong quản trị công ty:

- Thành lập Ban giám sát kế toán công ty đại chúng (PCAOB) gồm năm thành viên có kinh nghiệm về tài chính kế toán, với nhiệm kỳ 5 năm để xây dựng các chuẩn mực về kiểm toán, kiểm soát chất lượng, đạo đức, tính độc lập có liên quan đến quá trình lập báo cáo kiểm toán. PCAOB là tổ chức phi lợi nhuận chịu sự giám sát của Ủy ban chứng khoán nhà nước. Hằng năm, Ban này sẽ kiểm tra các công ty kiểm toán có trên 100 hợp đồng kiểm toán cho khách hàng trong một năm và điều tra những nguy cơ vi phạm luật pháp.

- Nghiêm cấm các công ty kiểm toán cung cấp các dịch vụ phi kiểm toán cho đồng thời một khách hàng được cung cấp dịch vụ kiểm toán.

- Trưởng nhóm kiểm toán và các Giám đốc ký báo cáo kiểm toán cần phải xoay vòng sau 5 năm.

- Các công ty kiểm toán phải báo cáo cho Ủy ban kiểm toán những vấn đề sau:

+ Tất cả những chính sách và thủ tục kế toán thiết yếu được sử dụng.

+ Tất cả những thay đổi trong việc điều chỉnh các thông tin tài chính so với những nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung (GAAP) mà đã được thảo luận với Ban điều hành và những điều chỉnh của kiểm toán viên.

+ Những thông tin thiết yếu bằng văn bản khác giữa kiểm toán viên và Ban điều hành, cũng như bất kỳ thư giải trình nào của Ban điều hành hoặc danh mục những bất đồng chưa điều chỉnh.

- Kiểm toán viên phải xác nhận và báo cáo về nhiệm vụ của Ban điều hành trong việc cải tiến hệ thống kiểm soát nội bộ. Coi đây là một phần không tách rời trong báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

- Cuối cùng, yêu cầu Công ty kiểm toán lưu giữ hồ sơ kiểm toán trong thời hạn 5 năm.

Đạo luật Sarbanes — Oxley nghiêm cấm một công ty kiểm toán có đăng ký cung cấp cùng một lúc dịch vụ kiểm toán lẫn phi kiểm toán cho bất kỳ công ty niêm yết nào mà công ty kiểm toán này đang phục vụ. Các dịch vụ phi kiểm toán bao gồm:

- Giữ sổ sách kế toán hay các dịch vụ khác liên quan đến hồ sơ kế toán hay báo cáo tài chính của khách hàng đang được kiểm toán;

- Thiết kế và thực hiện các hệ thống thông tin tài chính;

- Tìm nguồn bên ngoài để kiểm toán nội bộ;

- Quản lý công ty hay quản lý nhân lực;

- Môi giới hay tự doanh, cố vấn đầu tư, hay làm dịch vụ ngân hàng đầu tư;

- Cung cấp dịch vụ pháp lý và các dịch vụ chuyên môn không liên quan đến việc kiểm toán;

- Cung cấp bất kỳ dịch vụ nào khác mà Hội đồng giám sát kế toán công ty đại chúng quy định là không được phép.

- Đối với các dịch vụ phi kiểm toán khác như dịch vụ về thuế, thì phải được sự chấp nhận trước của Ủy ban kiểm toán của công ty đại chúng.

3.2.4 Các cơ quan quản lý:

3.2.4.1. Ủy ban chứng khoán nhà nước (SEC)

- Chỉ đạo việc nâng cao chất lượng báo cáo tài chính và phạt những công ty có gian lận báo cáo tài chính.

- Điều chỉnh những quy định công bố trung thực nhằm giảm các giao dịch cổ phần nội bộ.

- Yêu cầu Ủy ban kiểm toán nâng cao tính độc lập, trình độ chuyên môn, cơ cấu của họ và hiệu lực của các yếu tố quản trị công ty.

- Đề xuất những yêu cầu về tính độc lập của kiểm toán viên nhằm giảm những xung đột lợi ích tiềm tàng với khách hàng và cải tiến năng lực kiểm toán viên trong việc phát hiện các gian lận báo cáo tài chính.

- Đề xuất cải tiến hệ thống lập báo cáo và công bố thông tin tài chính hoàn thành báo cáo tài chính năm từ 60 đến 90 ngày sau khi kết thúc năm tài chính; và 30 đến 45 ngày sau khi kết thúc quý.

- Yêu cầu CEO và CFO xác nhận về tính chính xác và đầy đủ của báo cáo tài chính.

- Hợp tác với FASB trong việc duy trì tính độc lập và xem xét những nội dung và thủ tục kế toán trên cơ sở thời gian hợp lý hơn.

- Yêu cầu các công ty niêm yết đánh gía sự hiệu quả của chính sách kế toán thiết yếu và khai báo việc trình bày các tài sản ngoài bảng.

3.2.4.2 Ủy ban giám sát kế toán các công ty đại chúng (PCAOB)

Đạo luật Sarbanes — Oxley đã có những yêu cầu đối với các cơ quan quản lý:

- Ban giám sát kế toán các công ty đại chúng (PCAOB) tiếp tục xây dựng các chuẩn mực kế toán cho các kiểm toán viên trong việc kiểm toán báo cáo tài chính công ty đại chúng. Hằng năm PCAOB phải báo cáo cho SEC về những hoạt động xây dựng chuẩn mực kiểm toán

- Yêu cầu ủy ban chứng khoán nhà nước phải có ý kiến chung về những chuẩn mực kế toán được xây dựng do PCAOB đề xuất.

- Ủy ban giám sát kế toán các công ty đại chúng (PCAOB) sẽ quản lý việc đăng ký các công ty kiểm toán được phép kiểm toán cho các công ty niêm yết, thiết lập hay chấp nhận pháp lý đối với các quy định liên quan đến kiểm soát chất lượng, đạo đức, tính độc lập và các chuẩn mực khác liên quan việc soạn thảo báo cáo kiểm toán và thực hiện việc giám sát đối với các công ty kiểm toán.

4. Kết luận chương I:

- Báo cáo tài chính của mỗi công ty sẽ chứng minh rằng công ty đang hoạt động bình thường và cung cấp những thông tin cần thiết cho các nhà đầu tư hiện tại và tương lai, các chủ nợ, các cơ quan quản lý… khi phân tích về tình hình tài chính của công ty. Vì vậy, một báo cáo tài chính trung thực, hợp lý có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

- Quản trị công ty đảm bảo được tính chất lượng, chính trực, trung thực và minh bạch những thông tin tài chính bằng việc: giám sát các chức năng quyết định quản lý; giám sát chất lượng quá trình lập báo cáo tài chính và thực hiện các chức năng kiểm tra thông qua các hoạt động của kiểm toán.

- Quản trị công ty liên quan đến chất lượng báo cáo tài chính được xây dựng nhằm đưa ra cơ cấu thích hợp để tối thiểu hóa các xung đột lợi ích và đảm bảo tính độc lập trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mỗi chức năng. Cơ cấu quản trị công ty vừa ở bên trong lẫn bên ngoài. Cơ cấu bên trong bao gồm Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban điều hành và chức năng kiểm toán nội bộ. Cơ cấu bên ngoài bao gồm Kiểm toán độc lập, các cơ quan quản lý, xây dựng các chuẩn mực.

- Xây dựng cơ cấu quản trị công ty nhằm nâng cao chất lượng báo cáo tài chính là thực hiện việc ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và sai sót trong quá trình lập báo cáo tài chính.

- Quản trị công ty không có một mô hình chung nào cho mỗi quốc gia hay của doanh nghiệp. Nó được hình thành tùy thuộc vào môi trường chính trị, văn hóa, kinh tế của mỗi quốc gia cũng như độ lớn và mức độ phức tạp của từng doanh nghiệp. Thông lệ quản trị công ty tốt chỉ đưa ra những nguyên tắc cơ bản mang tính chất định hướng.

CHƯƠNG II. THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA CÁC CÔNG TY NIÊM YẾT TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH:

1. Công ty niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh:

1.1. Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển của Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh:

1.1.1 Lịch sử hình thành Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh:

Quá trình hình thành của Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh được đánh dấu bằng những sự kiện sau:

- Năm 1995, thành lập ban chuẩn bị thành lập thị trường chứng khoán thuộc Ngân hàng nhà nước.

- Ngày 28/01/1996, Ủy ban chứng khoán đã được khai sinh theo Nghị định 75/1996/NĐ-CP của Chính phủ.

- Năm 1997, Thủ tướng chính phủ đã có quy định số 1038/1997/QĐ-TTg ngày 05/1201997 thành lập Trung tâm nghiên cứu khoa học nhằm cung cấp kiến thức về chứng khoán, luật thị trường chứng khoán.

- Năm 1998, Chính phủ ban hành Nghị định 48/1998/NĐ-CP ngày 11/07/1998 về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Đồng thời Thủ tướng chính phủ ban hành quyết định số 127/1998/QĐ-TTg thành lập Trung tâm giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh. Ngày 01/08/1998 Chủ tịch Ủy ban chứng khoán nhà nước ký quyết định số 128/1998/QĐ-UBCK5 ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

- Ngày 20/07/2000, Trung tâm giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh chính thức khai trương, đánh dấu bước phát triển quan trọng trong việc hình thành thị trường chứng khoán Việt nam.

- Ngày 28/07/2000, phiên giao dịch đầu tiên của thị trường chứng khoán Việt nam đã chính thức được tổ chức tại Trung tâm giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh, đánh dấu một sự kiện quan trọng trong đời sống kinh tế — xã hội của đất nước.

- Ngày 11/05/2007, sau gần chín năm hình thành và phát triển, Thủ tướng chính phủ đã ban hành quyết định số 599/2007/QĐ-TTg về việc chuyển Trung tâm giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh thành Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh. Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo Luật chứng khoán, Luật doanh nghiệp, điều lệ của của Sở giao dịch chứng khoán và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

1.1.2 Thị trường niêm yết ở Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh:

- Khi thị trường bắt đầu phiên giao dịch đầu tiên vào ngày 28/07/2000, chỉ có 2 loại cổ phiếu được niêm yết là cổ phiếu của Công ty Cơ điện lạnh (REE) và Công ty cáp vật liệu viễn thông (SAM). Đến cuối năm 2000, thị trường có thêm 3 loại cổ phiếu niêm yết là HAP, TMS, LAF với tổng giá trị niêm yết là 675.511.860.000 đồng.

- Số lượng cổ phiếu niêm yết tăng lên 10 loại vào cuối năm 2001, với sự gia nhập của 5 loại cổ phiếu mới: SGH, CAN, BBC, DPC, TRI nâng tổng giá trị niêm yết toàn thị trường là 170.019.400.000 đồng.

- Năm 2002 có thêm 10 công ty niêm yết mới, với tổng giá trị niêm yết là 655.023.248.342 đồng. Như vậy, chỉ trong năm 2002, giá trị niêm yết tăng lên 285,26% so với năm 2001. Tính đến cuối năm 2002, toàn thị trường có 20 loại cổ phiếu với tổng trị giá đạt 1.500.554.508.342 đồng.

- Năm 2003 chỉ có hai cổ phiếu mới niêm yết trên thị trường là VTC và PMS, nâng tổng giá trị thị trường là 1.550.531.908.342.

- Năm 2004 thị trường có thêm 4 công ty niêm yết mới là BBT, DHA, SFC, NKD đưa tổng giá trị niêm yết 2.044.131.528.342 đồng

- Năm 2005 có thêm 8 công ty niêm yết là SSC, MHC, PNC, VSH, TNA, KDC, NHC, DRC, tổng giá trị niêm yết đến cuối năm 2005 là 3.880.023.338.342 đồng.

- Năm 2006 là năm có số lượng công ty niêm yết tăng lên đáng kể, tổng số công ty niêm yết trong năm này là 71 và chủ yếu tập trung vào giai đoạn cuối năm,

là thời điểm nhà nước không còn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với công ty niêm yết. Tổng giá trị niêm yết có đến 31/12/2006 là 17.143.531.020.000 đồng.

Như vậy trong vòng chưa đầy sáu năm, hàng hóa trên thị trường chứng khoán tại Sở giao dịch TP Hồ Chí Minh tăng lên rất nhiều kể cả về số lượng niêm yết và số lượng công ty có vốn điều lệ cao.

1.2 Công ty cổ phần niêm yết:

1.2.1 Khái niệm:

a) Theo điều 77 Luật doanh nghiệp năm 2005 đã đưa ra khái niệm công ty cổ phần là doanh nghiệp, trong đó:

- Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần;
- Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng cổ đông tối thiểu là ba và không hạn chế số lượng tối đa;
- Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp;
- Cổ đông có quyền chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác.

b) Công ty niêm yết là công ty cổ phần được chấp thuận niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán/ Trung tâm giao dịch chứng khoán.

1.2.2 Vai trò công ty niêm yết:

Các công ty niêm yết là các công ty cổ phần được phép phát hành chứng khoán ra công chúng thông qua thị trường chứng khoán. Từ đó giúp cho nền kinh tế huy động được nguồn vốn vô cùng hiệu quả. Các công ty niêm yết là đối tượng chủ yếu tạo ra hành hóa chứng khoán, do đó bằng việc phát hành chứng khoán đa dạng đã thúc đẩy thị trường chứng khoán phát triển, từ đó khuyến khích nhiều công ty cổ phần ra đời, huy động được nguồn vốn tối đa trong nền kinh tế. Điều này đã thúc đẩy sự tiết kiệm tối đa vốn trong công chúng, các đồng vốn không bị lãng phí mà luôn được sử dụng trong kinh doanh. Chính những lợi ích này mà các công ty niêm yết đã đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong nền kinh tế, nhất là trong một nền kinh tế đang rất cần sự đầu tư và các nguồn vốn lớn như Việt Nam hiện nay. Khi tên tuổi, hình ảnh của các công ty niêm yết đã được nâng cao trong công chúng, thì việc

huy động vốn sẽ trở nên dễ dàng hơn, chi phí huy động sẽ thấp hơn nhiều so với các công ty khác. Bên cạnh đó, khi các công ty niêm yết trở nên vững mạnh sẽ thúc đẩy thị trường chứng khoán phát triển và có ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế Việt Nam, đồng thời hình thành một thị trường tài chính hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trong cũng như ngoài nước thì các công ty cũng đã góp phần tăng sức thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, từ đó giúp nền kinh tế phát triển.

1.2.3 Phân loại công ty niêm yết:

1.2.3.1 Theo thời gian lên sàn: (tính đến 31/12/2006)

Bảng 1: Phân loại công ty niêm yết thời gian lên sàn.

STT	Thời gian lên sàn	Công ty		Niêm yết	
		Số lượng	Tỉ trọng (%)	Trị giá	Tỉ trọng (%)
01	Năm 2000	05	4,76	675.511.860.000	4,00
02	Năm 2001	05	4,76	170.018.400.000	1,01
03	Năm 2002	10	9,52	655.023.250.000	3,89
04	Năm 2003	02	1,90	49.977.400.000	0,30
05	Năm 2004	04	3,80	193.899.920.000	1,15
06	Năm 2005	08	7,60	1.828.835.610.000	10,85
07	Năm 2006	71	67,66	13.286.878.140.000	78,80
	Tổng số	**105**	**100**	**16.860.145.280.000**	**100**

(Nguồn: số liệu tổng hợp từ thông tin các công ty niêm yết tại Công ty chứng Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt nam; chi tiết phụ lục 1)

1.2.3.2 Theo ngành nghề:

Công ty chứng Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt nam chia các Công ty niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh thành 14 nhóm ngành nghề chính có đến thời điểm 31/12/2006.

Bảng 2: Phân loại công ty niêm yết theo ngành nghề

STT	Ngành nghề	Số lượng công ty	Tỉ trọng (%)
01	Thương mại	13	12,38
02	Vật liệu và xây dựng	32	30,47
03	Năng lượng, dầu khí	12	11,43
04	Tài chính — ngân hàng	1	0,95
05	Thực phẩm — giải khát	14	13,30
06	Vải sợi, may mặc	0	0,00
07	Đồ dùng trong nhà	1	0,95
08	Khách sạn, giải trí	1	0,95
09	Giấy - Bao bì	3	2,86
10	Nhựa — hóa chất	6	5,72
11	Properties	1	0,95
12	Thủy sản	3	2,86
13	Viễn thông	3	2,86
14	Vận tải	9	8,60
15	Ngành khác	6	5,72
	Tổng cộng	**105**	**100**

(Nguồn: số liệu tổng hợp từ thông tin các công ty niêm yết tại Công ty chứng Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt nam; chi tiết phụ lục 2)

Theo cách phân loại này thì những lĩnh vực như vật liệu xây dựng, thực phẩm giải khát, thương mại và năng lượng dầu khí là những ngành có số lượng công ty niêm yết chiếm đa số tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

1.2.3.3 Theo cơ cấu vốn:

Bằng những chính sách thúc đẩy cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước và những chính sách tăng cường phát triển thị trường chứng khoán, số lượng công ty niêm yết tăng lên rất đáng kể từ những tháng cuối năm 2006. Tuy vậy, quy mô về

vốn của các công ty niêm yết là không lớn, số lượng công ty cũng còn ít so với các Sở giao dịch chứng khoán các nước trong khu vực và trên thế giới.

Mặc dù theo tiêu chuẩn niêm yết của Trung tâm giao dịch chứng khoán trước đây chỉ là 5 tỷ, và những yêu cầu đơn giản khi niêm yết nhưng số lượng hàng hóa cung cấp cho thị trường chứng khoán vẫn khá khiêm tốn. Theo quy định trước đây, để được lên sàn giao dịch chứng khoán thì vốn điều lệ yêu cầu của công ty chỉ là 5 tỷ.

Bảng 3: Phân loại công ty niêm yết theo vốn điều lệ

STT	Mức vốn điều lệ	Số lượng công ty	Tỉ trọng (%)
01	Dưới 100 tỷ	70	66,67
02	Từ 100 tỷ đến dưới 300 tỷ	23	21,90
03	Từ 300 tỷ đến dưới 500 tỷ	05	4,76
04	Từ 500 tỷ đến dưới 1.000 tỷ	03	2,85
05	Từ 1.00 tỷ đến dưới 2.000 tỷ	02	1,91
06	Trên 2.000 tỷ	02	1,91
	Tổng số	**105**	**100**

(Nguồn: số liệu tổng hợp từ thông tin các công ty niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh; chi tiết phụ lục 3)

Theo bảng số liệu trên, ta thấy có 66,67% số lượng công ty niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh có mức vốn điều lệ dưới 100 tỷ; 21,90% có vốn điều lệ từ 100 tỷ đến 300 tỷ, với con số này cho chúng ta thấy rất ít công ty có vốn điều lệ lớn, đa phần là các công ty có quy mô nhỏ.

2. Các quy định hiện hành về quản trị công ty và báo tài chính của công ty niêm yết tại Việt nam.

2.1. Quản trị công ty:

Ngân hàng thế giới đã đánh giá tình hình quản trị công ty của Việt nam trong báo cáo tháng 06/2006. Việc đánh giá này dựa trên nền tảng 06 nguyên tắc về quản trị công ty của Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế. Báo cáo này tập trung đánh giá

các công ty niêm yết. Ở đây, luận văn chỉ đưa ra những đánh giá có liên quan đến quá trình lập báo cáo tài chính.

2.1.1 Những vấn đề chung:

- Khuôn khổ pháp lý và cơ sở thể chế cho thị trường vốn ở Việt nam mới đang ở giai đoạn phát triển ban đầu. Khuôn khổ pháp lý về quản trị công ty được quy định chủ yếu trong các luật và văn bản dưới luật:

+ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005.

+ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006.

+ Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chứng khoán.

+ Mẫu điều lệ cho các công ty niêm yết được ban hành theo Quyết định số 15/2007/QĐ-BTC ngày 19/03/2007 của Bộ tài chính.

+ Quyết định số 12/2007/QĐ-BTC ngày 13/03/2007 về việc ban hành Quy chế quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán/ Trung tâm giao dịch chứng khoán.

- Các cơ quan quản lý hoạt động chứng khoán: Ủy ban chứng khoán nhà nước là cơ quan quản lý hoạt động chứng khoán. Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh và Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà nội có trách nhiệm cung cấp sàn giao dịch và giám sát hoạt động giao dịch chứng khoán. Ủy ban chứng khoán nhà nước được thành lập năm 1996, ban đầu là một cơ quan nhà nước trực thuộc Chính phủ. Cơ quan này được tổ chức lại vào năm 2004 và trực thuộc Bộ tài chính. Các Trung tâm giao dịch chứng khoán tại Tp Hồ Chí Minh và Hà nội được tổ chức thành các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Ủy ban chứng khoán nhà nước. Giữa hai Trung tâm này không có cổ phiếu được niêm yết chéo. Ủy ban chứng khoán nhà nước và các Trung tâm đều có choc năng giám sát giao dịch của các cổ phiếu niêm yết và các tổ choc phát hành. Tuy nhiên, phạm vi trách nhiệm giám sát giữa các cơ quan này hiện nay vẫn chưa rõ ràng.

2.1.2 Những vấn đề liên quan đến chất lượng báo cáo tài chính:

- Các chuẩn mực kế toán của Việt nam hiện đang được xây dựng và ban hành phù hợp với các chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS). Các chuẩn mực này có hiệu lực dưới các hình thức luật, nghị định và thông tư. Tuy nhiên, việc tuân thủ các chuẩn mực này còn là một thách thức lớn. Yêu cầu lập báo cáo đối với các loại hình công ty khác nhau có những điểm khác biệt. Báo cáo bằng hệ thống điện tử chưa được chấp nhận. Thông tin công bố chưa được đầy đủ và kịp thời.

- Không đủ giám sát công chúng về kiểm soát chất lượng của kiểm toán viên. Soạn thảo các thể chế nhằm đảm bảo kiểm soát chất lượng của các kiểm toán viên vào thời điểm hiện nay mặc dù đã hình thành nhưng còn chưa được đầy đủ.

- Chất lượng thông tin được công bố trong báo cáo thường niên của các công ty niêm yết chưa đầy đủ và chưa tuân theo các yêu cầu công bố thông tin phi tài chính của Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD).

- Vấn đề cưỡng chế thực thi:

+ Khuôn khổ quản trị công ty hiệu quả còn chưa hình thành. Theo luật chứng khoán, Ủy ban chứng khoán nhà nước không phải là cơ quan quản lý điều hành hoạt động chứng khoán độc lập. Ủy ban này không đủ quyền hạn và nguồn lực cần thiết để hoạt động như một cơ quan quản lý hoạt động chứng khoán có hiệu quả. Các cơ quan quản lý hiếm khi có các hành động cưỡng chế thực thi pháp luật, và nếu có cũng chỉ giới hạn trong việc ra thông báo. Hiện nay, các trung tâm giao dịch chứng khoán trên thực tế hoạt động giống như các đơn vị thuộc Ủy ban chứng khoán nhà nước.

+ Năng lực giám sát các công ty niêm yết của Ủy ban chứng khoán nhà nước và Trung tâm giao dịch chứng khoán còn hạn chế. Cơ quan quản lý không có nguồn lực để tiến hành hoạt động giám sát một các có hiệu quả. Trong những năm vừa qua Ủy ban chứng khoán nhà nước chỉ mới tập trung vào việc xây dựng thị trường chứ chưa tập trung vào các vấn đề cưỡng chế thực thi pháp luật. Các Trung tâm giao dịch chứng khoán trong thời gian qua chỉ là nơi giao dịch chứng khoán. Trong Luật chứng khoán thì các Trung tâm này sẽ thành các tổ chức tự quản và có quyền ban

hành, tổ chức, quản lý và giám sát các quy định về niêm yết, giao dịch chứng khoán, công bố thông tin.

+ Cơ quan tư pháp còn phụ thuộc và yếu. Mức độ độc lập của cơ quan tư pháp còn hạn chế, và ảnh hưởng chính trị đối với các quyết định của Tòa án vẫn còn phổ biến, đặc biệt là đối với các công ty cổ phần hóa mà nhà nước còn nắm giữ một tỷ lệ sở hữu đáng kể. Trong trường hợp này, các cổ đông thiểu số khó có thể bảo vệ được quyền lợi của mình trước sự lạm dụng của cổ đông lớn hay Ban giám đốc, Hội đồng quản trị thông qua hệ thống tòa án.

- Vấn đề giám sát của công ty và Hội đồng quản trị:

+ Cơ cấu quản trị nội bộ của công ty cổ phần ở Việt nam gồm có Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; Hội đồng quản trị chỉ định một người làm Tổng giám đốc, người này có thể đại diện cho công ty, nếu như điều lệ của công ty không có quy định khác.

+ Trong một công ty có trên 11 cổ đông hoặc có một cổ đông tổ chức nắm giữ trên 50% số cổ phần thì Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra một Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải có từ 3 đến 5 thành viên, được Đại hội đồng cổ đông bầu ra, với nhiệm kỳ không quá 5 năm, nếu điều lệ công ty không có quy định khác. Nhiệm vụ của Ban kiểm soát là giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc, thông qua báo cáo tài chính sáu tháng và năm, kiểm tra sổ sách của công ty nếu có yêu cầu của cổ đông. Tuy nhiên, trên thực tế, các cổ đông lớn thường chiếm ưu thế trong các Hội đồng quản trị, thường đại diện bởi Chủ tịch hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc. Nhìn chung, các Ban kiểm soát đều hoạt động không hiệu quả. Các công ty hiếm khi ban hành Quy tắc đạo đức. Luật pháp không có quy định bảo vệ người tố cáo.

+ Khái niệm thành viên Hội đồng quản trị không điều hành còn mới. Mặc dù các công ty niêm yết được yêu cầu phải có thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, song luật không định nghĩa rõ ràng về vị trí này.

2.2 Báo cáo tài chính của công ty niêm yết:

Theo Quyết định 15-2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, hệ thống báo cáo tài chính bao gồm báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính giữa niên độ:

a/ Báo cáo tài chính năm gồm:

- Bảng cân đối kế toán Mẫu số: B01-DN
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Mẫu số: B02-DN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Mẫu số: B03-DN
- Bảng thuyết minh báo cáo tài chính Mẫu số: B09-DN

b/ Báo cáo tài chính giữa niên độ gồm:

- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (dạng đầy đủ) Mẫu số: B01a-DN
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (dạng đầy đủ) Mẫu số: B02a-DN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (dạng đầy đủ) Mẫu số: B03a-DN
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc Mẫu số: B09a-DN

3. Khảo sát thực trạng quản trị công ty dưới góc độ bảo đảm chất lượng báo cáo tài chính của công ty niêm yết.

Nhằm đánh giá thực trạng quản trị công ty có liên quan đến báo cáo tài chính, tôi đã tiến hành khảo sát với Bảng khảo sát gồm 40 câu hỏi *(phụ lục 4)*. Việc khảo sát được thực hiện trên 48 công ty niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

Nội dung khảo sát chủ yếu tập trung vào hai hành động ngăn ngừa và phát hiện có liên quan đến quá trình lập báo cáo tài chính. Cụ thể:

- Hành động ngăn ngừa: xem xét các vấn đề liên quan đến việc tập trung quyền lực; xung đột lợi ích giữa nhà quản lý với người đầu tư; sự độc lập trong quá trình ra quyết định của các thành viên Hội đồng quản trị và nhiệm vụ ban hành các chính sách, thủ tục đảm bảo quá trình lập báo cáo tài chính trung thực, hợp lý. Đối tượng khảo sát là Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

- Hành động phát hiện: khảo sát quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và giám sát tính độc lập của việc kiểm tra của các bộ phận: Ban kiểm soát, kiểm toán nội bộ, kiểm toán độc lập.

Bảng khảo sát được gởi trực tiếp cho Trưởng Ban kiểm soát — người được xem là độc lập của công ty và có khả năng trả lời khách quan những câu hỏi trong bảng khảo sát của 105 công ty niêm yết có đến 31/12/2006. Tuy nhiên, chỉ có 48 Bảng khảo sát được phúc đáp.

Qua phân tích kết quả tổng hợp *(phụ lục 5)* cho thấy thực trạng như sau:

3.1 Những vấn đề chung:

- Có đến 44 doanh nghiệp, chiếm 91,67% là các doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước. Trong đó có 33 doanh nghiệp có cổ phần nhà nước chiếm trên 30% vốn điều lệ.

- Vốn điều lệ: có 37 doanh nghiệp có vốn điều lệ dưới 100 tỷ đồng Việt nam, chiếm 77% trên mẫu khảo sát.

- Ngành nghề kinh doanh: có 32 doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, chiếm 66,67% mẫu khảo sát.

- Có 36 doanh nghiệp có tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn trên 20%.

- Có 32 doanh nghiệp có nhiều đơn vị kế toán trong một doanh nghiệp. Cụ thể: có 6 doanh nghiệp có dưới 3 đơn vị kế toán; 26 có từ 3 đơn vị kế toán trở lên.

- Có 33 doanh nghiệp lập báo cáo tài chính tổng hợp và 15 doanh nghiệp lập báo cáo tài chính hợp nhất.

- Số doanh nghiệp lập báo cáo theo thực trạng kinh doanh là rất ít. Chỉ có 8 đơn vị là hoàn toàn không dè dặt, còn lại hầu hết không muốn thể hiện tình hình tài chính thật của doanh nghiệp, thậm chí có 4 đơn vị thể hiện từ mức 1 đến mức 4 là rất dè dặt.

- Chỉ có 19 doanh nghiệp xây dựng chính sách kế toán. Trong 29 doanh nghiệp không có chính sách kế toán có đến 6 doanh nghiệp lập báo cáo tài chính hợp nhất. Điều này cho thấy báo cáo tài chính được lập của những đơn vị này có nguy cơ nhiều sai sót.

- Có 17 doanh nghiệp không xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ. Mặc dù có 31 doanh nghiệp, chiếm 64,6% mẫu điều tra có hệ thống kiểm soát nội bộ, nhưng mức độ hiệu quả của hệ thống này là chưa cao. Có đến 25 doanh nghiệp đánh giá ở

mức từ hiệu quả từ 4 đến 6. Mặt khác chỉ có 13 đơn vị là thường xuyên cải tiến hệ thống này.

- Hầu hết, báo cáo tài chính của doanh nghiệp do Tổng giám đốc ký ban hành, chỉ có 03 doanh nghiệp là do Chủ tịch Hội đồng quản trị ký.

Nhận xét:

- Qua số liệu trên, ta nhận thấy đa số các doanh nghiệp niêm yết có quy mô vừa và nhỏ với số vốn không lớn so với các công ty niêm yết trên các thị trường chứng khoán trên thế giới và được chuyển hình thức sở hữu từ cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước và Nhà nước vẫn còn chiếm cổ phần chi phối trong các doanh nghiệp này. Hiệu quả hoạt động kinh doanh là tương đối cao.

- Về độ phức tạp: đa số hoạt động nhiều ngành nghề, có nhiều đơn vị kế toán trong một doanh nghiệp do đó công tác lập báo cáo tài chính là tương đối phức tạp, đòi hỏi phải có những quy trình cụ thể để đảm bảo cho việc lập báo cáo tài chính trung thực, hợp lý.

- Về ý thức lập báo cáo tài chính trung thực: hầu hết là không trung thực trong việc lập báo cáo tài chính. Mặt khác, các doanh nghiệp ít quan tâm việc xây dựng chính sách kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ. Điều này cho thấy, báo cáo tài chính của các doanh nghiệp tiềm ẩn nguy cơ gian lận và sai sót.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị không có trách nhiệm về báo cáo tài chính công bố ra bên ngoài.

3.2 Hành động ngăn ngừa:

a/ Tập trung quyền lực:

- Chỉ có 4 doanh nghiệp có tỷ lệ số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nhiều hơn 2/3 trong tổng số các thành viên Hội đồng quản trị. Vì vậy, đa số các thành viên trong Hội đồng quản trị là những người tham gia công việc điều hành của doanh nghiệp. Điều này sẽ dễ dẫn đến hai nguy cơ: (1) Vai trò giám sát của Hội đồng quản trị với Ban điều hành không hiệu quả; (2) Ban điều hành lạm dụng quyền lực trong các quyết định kinh doanh. Điều này cũng thể hiện rõ trong sự

kiêm nhiệm của hai chức Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc của 18 doanh nghiệp chiếm 37,5% mẫu khảo sát.

- Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành ở 4 doanh nghiệp này có tương đối đầy đủ thông tin, kiến thức và năng lực để thực hiện nhiệm vụ của mình một các độc lập và khách quan.

b/ Xung đột lợi ích:

- Chỉ có 21 doanh nghiệp chiếm 43,75% mẫu khảo sát có quy chế thưởng cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Tuy nhiên, quy chế này cũng chưa thật sự hiệu quả trong việc ngăn ngừa xung đột lợi ích giữa những người quản lý, điều hành với Công ty. Chỉ có 6 doanh nghiệp cho rằng quy chế thưởng của họ có thể giúp Ban điều hành thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng và không làm thiêt hại cho công ty.

- Việc không có quy chế thù lao thỏa đáng, bên cạnh việc tập trung quyền lực như đã khảo sát ở trên, rõ ràng nguy cơ gian lận tài chính là rất lớn.

3.3 Hành động phát hiện:

a/ Ban kiểm soát:

- Qua khảo sát thì tất cả các doanh nghiệp đều có ít nhất 1 thành viên Ban kiểm soát có bằng cấp về kế toán. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng có đến 10 doanh nghiệp mặc dù có bằng cấp về kế toán nhưng chưa một ngày làm công tác kế toán. Vì vậy, điều này phần nào sẽ hạn chế hiệu quả trong việc thẩm định báo cáo tài chính của Ban kiểm soát theo luật doanh nghiệp quy định.

- Mặc dù có đến 44 doanh nghiệp có Ban kiểm soát tham gia kiểm tra báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhưng chất lượng việc kiểm tra này là không cao. Chỉ có 6 trong 44 doanh nghiệp cho rằng việc kiểm soát này là hoàn toàn đảm bảo báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu.

- Rõ ràng việc kiểm tra báo cáo tài chính của Ban kiểm soát chủ yếu ở thời điểm kết thúc năm tài chính và khi có yêu cầu; bên cạnh đó các thành viên Ban kiểm soát chưa kinh qua công tác kế toán sẽ dẫn đến báo cáo tài chính còn nhiều sai sót trọng yếu và thậm chí khó phát hiện được gian lận.

- Có đến 39 doanh nghiệp chiếm 81,25% mẫu khảo sát Ban kiểm soát không có tiền thưởng ngoài tiền thù lao.

- Có đến 37 doanh nghiệp chiếm 77,08% mẫu khảo sát Ban kiểm soát không có kinh phí được hoạt động để phục vụ nhiệm vụ của mình như: thu thập thông tin, thuê tư vấn…

- Ban kiểm soát không báo cáo trước Đại hội cổ đông về tính hiệu quả cũng như sự cải tiến của hệ thống kiểm soát nội bộ (75%); Và có đến 39 doanh nghiệp chiếm 81,25% mẫu khảo sát Ban kiểm soát không có chương trình giám sát mối quan hệ giữa kiểm toán viên và Ban điều hành mà quan hệ này có nguy cơ làm giảm tính độc lập của kiểm toán viên trong quá trình kiểm toán.

Nhìn chung, vai trò của Ban giám sát trong việc kiểm tra báo cáo tài chính là khá mờ nhạt. Với trách nhiệm này mặc dù chức năng giám sát có hiện hữu nhưng không hiệu quả, không đảm bảo được quá trình lập báo cáo tài chính trung thực hợp lý. Ban giám sát không có chương trình kiểm soát các thủ tục ngăn ngừa cũng như phát hiện hoặc đánh giá tính độc lập của các chức năng kiểm toán.

b/ Kiểm toán nội bộ:

- Có đến 38 doanh nghiệp, chiếm 79,17% mẫu khảo sát không có chức năng kiểm toán nội bộ. Và có đến 8 trong 10 doanh nghiệp có chức năng này nhưng lại dưới quyền của Ban điều hành hoặc Kế toán trưởng.

- Mặc dù có hiện hữu, nhưng tính hiệu quả kiểm toán nội bộ sẽ không cao vì có nguy cơ anh hưởng đến tính độc lập, khách quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình.

- Các doanh nghiệp chưa quan tâm đến việc kiểm tra bên trong, chưa thấy được tầm quan trọng của vai trò giám sát kiểm tra. Đây là một công cụ phát hiện gian lận và rủi ro đầu tiên trong quá trình kiểm tra báo cáo tài chính.

c/ Kiểm toán độc lập:

- Có 17 doanh nghiệp chiếm 35,42% mẫu khảo sát cho thấy người có quyền quyết định đơn vị kiểm toán độc lập là Ban giám đốc và Kế toán trưởng; 39,58% do Hội đồng quản trị thuê; chỉ có 4,16% do Ban kiểm soát thuê. Việc ban

điều hành có quyền quyết định việc thuê kiểm toán sẽ có nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập của kiểm toán viên trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính tại doanh nghiệp.

- Về chất lượng kiểm toán, có đến 20 doanh nghiệp, chiếm 41,67% mẫu khảo sát chưa hài lòng lắm về chất lượng kiểm toán độc lập, chỉ hài lòng ở mức độ 4 và 5.

4. Mặt tích cực và hạn chế của quản trị công ty liên quan đến chất lượng của báo cáo tài chính của các công ty niêm yết.

4.1. Mặt tích cực

- Cấu trúc quản trị công ty tại Việt nam theo mô hình hai cấp. Đại hội cổ đông bầu ra hai cấp độc lập là Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Cấu trúc này có những mặt ưu điểm sau:

+ Xét về lý thuyết, Ban kiểm soát nhận được ủy quyền và nhận thù lao từ cổ đông nên đảm bảo tính độc lập và khách quan trong quá trình kiểm soát các hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

+ Trong bối cảnh Việt nam hiện nay, đa số các công ty niêm yết được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước và nhà nước giữ cổ phần chi phối, bên cạnh đó trong Hội đồng quản trị số thành viên tham gia trong công tác điều hành còn chiếm đa số thì mô hình hai cấp với Ban kiểm soát độc lập có thể giám sát các xung đột lợi ích nhằm đảm bảo các quyền lợi cho cổ đông, phần nào hạn chế các gian lận trong điều hành.

- Thị trường chứng khoán Việt nam mới hình thành, nhưng Nhà nước đã cố gắng xây dựng hành lang pháp lý đảm bảo cho hoạt động của thị trường chứng khoán tiến gần với thông lệ quốc tế.

4.2. Mặt hạn chế:

- Các khuôn khổ pháp lý về quản trị công ty do nhà nước ban hành đang trên đà hình thành và từng bước hoàn chỉnh, tạo tiền đề tốt cho hoạt động của thị trường vốn trong đó có thị trường chứng khoán. Tuy nhiên chưa có những hướng dẫn cụ thể về quản trị công ty, từ đó các doanh nghiệp sẽ khó áp dụng và nếu có cũng không

đồng bộ. Vấn đề giám sát của các cơ quan nhà nước như Ủy ban chứng khoán nhà nước còn hạn chế.

- Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc lập báo cáo tài chính chưa rõ nét, chưa có những định hướng trong việc xây dựng các thủ tục nhằm ngăn ngừa những gian lận và sai sót trong quá trình lập báo cáo tài chính.

- Ban điều hành chỉ xem việc lập báo cáo tài chính chủ yếu là để đối phó với các cơ quan nhà nước mà chưa xem đây là một phần quan trọng trong hoạt động quản trị doanh nghiệp, và vì vậy đã dè dặt khi lập báo cáo tài chính theo thực trạng của doanh nghiệp. Chưa thấy được ý nghĩa của báo cáo tài chính trung thực và đáng tin cậy trong việc thu hút vốn.

- Chưa có chính sách thỏa đáng nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động thông qua chế độ thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như Ban quản lý cấp cao để giảm các xung đột lợi ích.

- Trong khi hầu hết các doanh nghiệp không có chức năng kiểm toán nội bộ hoặc nếu có thì cũng không hiệu quả thì vai trò của Ban kiểm soát là quá mờ nhạt. Với cơ cấu và quyền hạn hiện tại, Ban kiểm soát khó mà phát hiện những gian lận và sai sót của báo cáo tài chính.

- Như vậy, mọi sự kiểm tra đổ dồn trách nhiệm cho kiểm toán độc lập. Chất lượng của báo cáo tài chính bị ảnh hưởng bởi chất lượng của cuộc kiểm toán. Trong quản trị công ty chất lượng kiểm toán lại phụ thuộc rất nhiều vào tính độc lập, đạo đức nghề nghiệp của kiểm toán viên, uy tín và sự chuyên nghiệp của công ty kiểm toán. Nhưng chưa có một cơ quan nào đánh giá chất lượng của kiểm toán độc lập.

5. Kết luận chương II:

Từ những khảo sát thực tế về quản trị công ty của các công ty niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Tp Hồ Chí Minh liên quan đến quá trình lập báo cáo tài chính đã trình bày ở trên cho thấy những tồn tại hiện hữu cần khắc phục.

Mặc dù vấn đề quản trị công ty đã được đặt ra, nhưng việc thực thi các nguyên tắc và chính sách mà các cơ quan quản lý đưa ra còn một khoản cách khá xa, đặc biệt những nội dung quản trị công ty có liên quan đến báo cáo tài chính.

Vấn đề quản trị công ty chưa được nhận thức đúng đắn, các công ty niêm yết chưa thật sự thấy được ý nghĩa việc cung cấp thông tin tài chính tin cậy. Điều này xuất phát từ một thực tế là mô hình quản lý công ty của Việt nam nói chung vẫn còn ảnh hưởng cơ chế quản lý tập trung bao cấp để lại.

Quản trị công ty nhằm nâng cao chất lượng báo cáo tài chính đó là thực hiện hai hành động là ngăn ngừa và phát hiện.

Khi xây dựng cơ cấu các bên liên quan, điều quan trọng là thiết lập cơ chế tạo ra sự độc lập và giám sát sự độc lập đó trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mỗi bộ phận.

Cần phải có cơ chế giám sát vấn đề thực thi các yêu quản trị công ty của Ủy ban chứng khoán nhà nước thông qua các báo cáo của công ty niêm yết về vấn đề này.

Xuất phát từ những nghiên cứu này tôi xin đưa ra một số định hướng nhằm nâng cao chất lượng báo cáo tài chính của các công ty niêm yết.

CHƯƠNG III: NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY NHẰM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY NIÊM YẾT TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

1. Quan điểm và mục tiêu định hướng:

1.1 Quan điểm:

- Như ta đã biết quản trị công ty không có một mô hình chung nào ở cả phương diện cấp độ quốc gia và từng doanh nghiệp. Mô hình quản trị công ty phụ thuộc vào môi trường chính trị, văn hóa, kinh tế của mỗi quốc gia; đối với doanh nghiệp nó tùy thuộc vào độ lớn cũng như mức độ phức tạp của mỗi doanh nghiệp. Vì vậy, những định hướng về quản trị công ty đưa ra phụ thuộc vào các yếu tố nói trên ở hiện tại và khả năng thay đổi trong tương lai của những yếu tố đó.

- Cơ cấu quản trị công ty được xây dựng trên nền tảng đảm bảo thực hiện nhiệm vụ của từng chức năng mà việc thực hiện này cần hạn chế đến mức tối thiểu những nhân tố ảnh hưởng đến tính độc lập và khách quan cũng như lạm dụng quyền lực trong quá trình thực thi nhiệm vụ của những chức năng đó. Đây là yếu tố then chốt trong việc xây dựng cơ cấu quản trị.

1.2 Nhận định sự phát triển của thị trường chứng khoán tại Việt nam:

1.2.1 Môi trường:

- Một khi Việt nam gia nhập Tổ chức thương mại thế giới, nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài sẽ dễ dàng đổ vào Việt nam, yêu cầu đòi hỏi quản trị công ty tốt xuất phát từ thị trường, đảm bảo tính minh bạch, chất lượng thông tin công bố là điều không tránh khỏi.

- Hệ thống pháp lý được xây dựng ngày càng được cải thiện đầy đủ và tốt hơn, tạo điều kiện mội trường kinh tế hoạt động bình đẳng hơn.

- Môi trường chính trị ổn định, sự hiệu quả trong điều hành của Chính phủ cũng là một trong những yếu tố thu hút nhà đầu tư tham gia vào thị trường chứng khoán và giúp thị trường phát triển.

1.2.2 Các doanh nghiệp niêm yết:

- Chính phủ đang tăng cường thúc đẩy quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, nhất là những Tổng công ty, ngân hàng lớn,… trong thời gian tới thị trường chứng khoán sẽ có những hàng hóa mới. Dự kiến đến cuối năm, có khoản 15 công ty sẽ niêm yết, trong đó điển hình là các công ty trong ngành bất động sản (Vincom, Hòa Phát), ngành hóa chất dầu khí (Đạm Phú Mỹ), ngành thủy sản (Nam Việt, Vĩnh Hoàn, Cửu Long). Chú ý hơn cả là nguồn cung từ việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước lớn như: Vietcombank, MHB, Incombank, BIDV, Mobifone, Sabeco….

Bảng 4: Một số chỉ tiêu tài chính năm 2006 và 6 tháng đầu năm 2007 của những công ty dự kiến niêm yết trong 6 tháng cuối năm 2007:

ĐVT: tỷ đồng

Doanh nghiệp	**Mức vốn hóa**	**DThu 2006**	**LN TT 2006**	**LNTT 6 tháng 2007**
Cty CP Nam Việt	7.500	2.707	278	204
Cty CP Vĩnh Hoàn	1.800	1.516	88	71
Cty CP Vincom	9.600	563	344	70
Cty CP phân đạm và hóa chất dầu khí	20.710	3.543	1.162	NA
Cty CP DV kỷ thuật dầu khí	12.800	4.000	285	100
Cty CP Hòa Phát	10.320	1.330	75	254
Cty CP Điện quang	1.895	445	54	103

(*Nguồn Công ty chứng khoán Bảo Việt- nền kinh tế và thị trường chứng khoán 06 tháng đầu năm 2007- ngày 08/08/2007)*

Bảng 5: Một số công ty dự kiến cổ phần hóa trong 6 tháng cuối năm 2007

Doanh nghiệp	**Vốn chủ sở hữu**
Ngân hàng ngoại thương Việt nam (VietcomBank)	12.800
Ngân hàng phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long (MHB)	900
Tổng công ty Bia — Rượu - Nước giải khát Sài gòn(SabeCo)	5.500
Ngân hàng công thương Việt nam (Incombank)	5.328
Tổng công ty Bia — Rượu - Nước giải khát Hà Nội	2.000

(*Nguồn Công ty chứng khoán Bảo Việt- nền kinh tế và thị trường chứng khoán 06 tháng đầu năm 2007- ngày 08/08/2007)*

- Mặt khác, trong đề án phát triển thị trường vốn Việt nam đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ cho thấy trong tương lai không xa khối lượng công ty niêm yết tại thị trường chứng khoán là rất lớn cả về lượng và chất.

1.2.3 Nguồn cung vốn cho thị trường:

- Nội địa: hiện nay một lượng vốn tiết kiệm lớn vẫn còn tồn tại trong dân, chưa đưa vào kinh doanh, đây chính là nguồn vốn đáng kể cho thị trường chứng khoán. Theo báo cáo nghiên cứu thị trường của AC Nelson, số lượng người Việt nam tham gia thị trường chứng khoán hiện chiếm khoản 0,26% dân số. Tính đến ngày 29/06/2007, lượng tài khoản mở tại các công ty chứng khoán đã đạt con số 200.000, trong đó có trên 5.000 tài khoản của nhà đầu tư cá nhân và tổ chức nước ngoài. Con số này còn rất khiêm tốn so với dân số Việt nam.

- Nước ngoài: tính đến 30/06/2007 đã có 55 quỹ đầu tư nước ngoài với tổng tài sản khoản 6 tỷ USD. Như vậy, có thể thấy rằng hầu hết các quỹ đầu tư lớn mới được thành lập đang có sẵn lượng vốn lớn và chờ để giải ngân vào các đợt phát hành cổ phiếu lần đầu của các doanh nghiệp nhà nước lớn sắp tới.

1.2.4 Trình độ nhận thức của nhà đầu tư:

Nhận thức của nhà đầu tư được gia tăng đáng kể sẽ góp phần tích cực thúc đẩy thị trường phát triển. Thực vậy, giai đoạn tăng giá nhanh của thị trường chứng khoán Việt nam, tính từ cuối năm 2006 đến cuối quý I năm 2007, đã chứng kiến sự gia tăng đột biến các nhà đầu tư nhỏ lẻ, thiếu kinh nghiệm thực tế cũng như kiến thức về tài chính. Thực trạng này dẫn đến những quyết định đầu tư theo số đông, tranh mua, tranh bán vào cùng một thời điểm trước những nguồn thông tin không chính xác. Phần lớn những nhà đầu tư còn lại có chiến lược đầu tư lâu dài trong thị trường chứng khoán. Điều này sẽ tạo áp lực cho các doanh nghiệp niêm yết trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Như vậy, sự tăng lên về chất của nhà đầu tư sẽ đặt các doanh nghiệp vào một thế cạnh tranh gay gắt hơn và buộc phải tự cứu mình nếu không muốn các cổ đông quay lưng lại với công ty mình. Để đạt được điều này,

doanh nghiệp cần phải có những bước đi trong quản trị công ty tốt và dần dần phù hợp với thông lệ quốc tế.

Như vậy, trong tương lai không xa, thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ phát triển mạnh mẽ. Điều đó đòi hỏi Nhà nước phải có những biện pháp kiểm soát thích đáng, bản thân doanh nghiệp cần thực hiện những thông lệ quản trị công ty tốt để xây dựng lòng tin công chúng từ đó dễ dàng thu hút vốn trong điều kiện cạnh tranh ngày càng gay gắt.

1.3 Hướng hoàn thiện:

Qua nghiên cứu về cơ sở lý luận cho thấy, quản trị công ty là thực hiện hai nội dung: định hướng chiến lược và giám sát thông qua việc xây dựng cơ cấu và mối quan hệ giữa các bên có liên quan nhằm đảm bảo cho báo cáo tài chính khi công bố đáp ứng được tính hợp lý và trung thực, không có sai sót trọng yếu. Như vậy, quản trị công ty nhằm nâng cao chất lượng báo cáo tài chính là thực hiện hai hành động chủ yếu sau:

- Hành động ngăn ngừa: Xây dựng những chính sách và thủ tục nhằm đảm bảo quá trình lập báo cáo tài chính theo đúng các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành.

- Hành động phát hiện: kiểm soát việc thực thi các chính sách và luật pháp quy định thông qua các bộ phận có liên quan từ bên trong cũng như bên ngoài doanh nghiệp.

Ở Việt nam, cơ cấu quản trị theo mô hình hai cấp, trong đó Ban kiểm soát thực hiện chức năng giám sát có vẻ mang tính độc lập cao hơn về lý thuyết. Tuy nhiên, việc giảm nguy cơ gian lận thì yếu tố ngăn ngừa là quan trọng và hiệu quả hơn. Nhưng việc ngăn ngừa lại phụ thuộc vào việc đưa ra các chính sách, thủ tục nằm ở quyết định của Hội đồng quản trị, vì vậy các thành viên Hội đồng quản trị cần phải có sự độc lập cao trong mọi hành động của mình để thực hiện chức năng giám sát điều hành hoạt động hằng ngày của Ban điều hành.

2- Những định hướng:

2.1 Đối với công ty niêm yết:

2.1.1 Hành động ngăn ngừa:

Hành động ngăn ngừa chủ yếu là giải quyết vấn đề tập trung quyền lực, làm giảm thiểu các xung đột lợi ích và xây dựng các chính sách, thủ tục nhằm ngăn ngừa gian lận và sai sót trong quá trình lập báo cáo tài chính. Nhiệm vụ này thuộc trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban điều hành cấp cao.

a/ Hội đồng quản trị:

Nhiệm vụ xuyên suốt của Hội đồng quản trị trong quản trị công ty có liên quan đến báo cáo tài chính là sự độc lập trong vai trò giám sát. Hội đồng quản trị phải giám sát Ban điều hành trong việc xây dựng hệ thống ngăn ngừa gian lận và kiểm soát vấn đề thực thi những hệ thống này. Điều này có nghĩa là các chiến lược giám sát đưa ra đảm bảo vì lợi ích phát triển của công ty và của cổ đông mà không vì bất kỳ lợi ích của cá nhân nào.

Mục tiêu của các chiến lược này chủ yếu là giảm xung đột lợi ích và tránh tình trạng tập trung quyền lực vào một cá nhân hoặc một nhóm người mà họ là những người có cơ hội làm lợi cho cá nhân và từ đó ảnh hưởng lợi ích của công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập, ít nhất là trên lý thuyết, là để giảm nguy cơ Ban điều hành lạm dụng quyền hạn. Vì những thành viên Hội đồng quản trị độc lập không tham gia trực tiếp vào việc quản lý nên không có các cơ hội như Ban điều hành để lạm dụng chức vụ vì lợi ích riêng thay vì bảo vệ lợi ích của công ty và của cổ đông. Do vai trò của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập là giám sát các hoạt động của Ban điều hành, để làm được điều này, bản thân họ phải độc lập với Ban điều hành

Nhiệm vụ Hội đồng quản trị của các công ty cổ phần niêm yết ở Việt nam được quy định tại điều lệ của công ty. Điều lệ này được xây dựng căn cứ chủ yếu trên Luật Doanh nghiệp 2005, quy chế quản trị của các công ty niêm yết và điều lệ mẫu của Bộ tài chính quy định cho các công ty niêm yết. Những nhiệm vụ chính của Hội đồng quản trị liên quan đến báo cáo tài chính là:

- Để đảm bảo sự tách biệt giữa vai trò giám sát và điều hành công ty, công ty niêm yết cần hạn chế thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức vụ trong bộ máy điều hành của công ty.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn tại Đại hội cổ đông thường niên.

- Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

- Có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình cho Đại hội cổ đông báo cáo tài chính hằng năm của công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

- Quyết định cơ cấu tổ chức và các quy chế quản lý nội bộ của công ty.

Mặc dù trong Luật Doanh nghiệp Hội đồng quản trị được quyết định về các quy chế quản lý nội bộ, nhưng không nhấn mạnh hoặc chưa hướng dẫn cụ thể về các chính sách liên quan việc ngăn ngừa gian lận và đảm bảo tính trung thực của các thông tin tài chính cung cấp ra bên ngoài. Chưa có điều khoản nào quy định cụ thể trong việc xây dựng các chính sách và thủ tục ngăn ngừa gian lận, đảm bảo các thông tin cung cấp ra bên ngoài là trung thực.

Mặc dù có quy định về thành viên Hội đồng quản trị độc lập và không điều hành nhưng chỉ mang tính chất hướng dẫn, chưa mang tính chất pháp lệnh để đảm bảo được tính độc lập trong nhiệm vụ.

Về việc kiêm nhiệm giữa hai chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc, quy định của Bộ tài chính lại ngoại trừ khi được thông qua tại Đại hội cổ đông. Tuy nhiên trong thực tế, các công ty niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh có các cổ đông lớn do Nhà nước nắm giữ, vì vậy điều kiện này dễ dàng thông qua do các cổ đông lớn quyết định.

Nhằm tránh nguy cơ tập trung quyền lực, trong quy chế quản trị công ty cần yêu cầu thực thi thêm các nội dung:

- Cần yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất hai phần ba trong tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Vì theo phương thức biểu quyết trong Hội đồng quản trị là đối nhân. Nếu chỉ yêu cầu một phần ba thì số thành viên Hội đồng quản trị tham gia điều hành có thể cấu kết và phủ quyết những quyết định của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

- Cần có mức thù lao thích hợp cho các thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành nhằm đảm bảo được tính độc lập và khách quan trong quá trình ra quyết định của các thành viên Hội đồng quản trị này. Mức thù lao này tương xứng với lợi nhuận mang lại của công ty và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Yêu cầu công ty niêm yết xây dựng chế độ công bố thông tin đầy đủ về các hoạt động kinh doanh của công ty, nhất là các thông tin tài chính nhằm tránh tình trạng thông tin bất cân xứng để giúp các thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ thông tin khi ra quyết định. Hội đồng quản trị phải thiết lập hệ thống các báo cáo và yêu cầu Ban điều hành phải cung cấp và những thông tin này phải được Ban kiểm soát xác nhận về tính trung thực và kịp thời.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị cần phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng thành viên Hội đồng quản trị. Đặc biệt đối việc việc giám sát Ban điều hành trong việc xây dựng và thường xuyên cải tiến để nâng cao hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống quản trị rủi ro, chính sách kế toán và các quy tắc đạo đức trong kinh doanh.

- Nhằm tăng cường trách nhiệm trong việc ngăn ngừa gian lận báo cáo tài chính, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng và mẫn cán, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải là người ký vào các báo cáo tài chính trước khi công bố ra thông tin đại chúng.

- Bắt buộc trong công ty niêm yết hai chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải là hai người khác nhau.

- Qua khảo sát thực tế, ta thấy đa số các công ty niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh chủ yếu được chuyển hình thức sở hữu từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Vì vậy đối với các công ty niêm yết có vốn cổ

phần của nhà nước trên 50%, chủ đầu tư là doanh nghiệp nhà nước cần cử ít nhất là hai thành viên làm người đại diện nhằm tránh tình trạng tập trung quyền lực vào một người và hầu như quyết định mọi vấn đề tại Đại hội cổ đông.

- Yêu cầu cuối cùng của Hội đồng quản trị: Về mặt thể chế đối với sự độc lập của Hội đồng quản trị Nhà nước đã có những quy định tương đối đầy đủ. Tuy nhiên, vấn đề quan trọng hơn là việc thực thi các quy định này, vì vậy các thành viên Hội đồng quản trị định kỳ phải đánh giá về nhiệm vụ mà mình thực hiện, việc đánh giá này phải có sự tham gia của các thành viên Ban kiểm soát và được công bố tại Đại hội cổ đông hằng năm.

b/ Ban điều hành:

Tổng giám đốc công ty là người chịu trách nhiệm chính trong việc lập báo cáo tài chính trung thực, hợp lý. Để đáp ứng được yêu cầu này, Ban điều hành phải xem việc lập báo cáo tài chính trung thực là một phần quan trọng trong quản trị công ty mà không phải chỉ là sự đối phó với các yêu cầu pháp luật về kế toán. Để báo cáo tài chính đáng tin cậy và kịp thời một hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả, bao gồm các quy định, nguyên tắc, thủ tục phải được thiết lập và duy trì nhằm mục tiêu nói trên.

Đặc điểm của Ban điều hành:

Do Ban điều hành là người trực tiếp điều hành hoạt động của doanh nghiệp nên họ có thể thực hiện những hành vi hay quyết định nhằm tối đa hóa lợi ích cho cá nhân mình nhưng lại làm tổn hại đến lợi ích của nhà đầu tư. Những tổn thất gây ra trong trường hợp này được gọi là tổn thất do phân quyền. Ví dụ, nhà quản lý có thể không nổ lực cao nhất của mình, do đó làm giảm hiệu quả của doanh nghiệp; nhà quản lý có thể quyết định không đầu tư nguồn lực vào dự án có khả năng sinh lời cao trong tương lai vì làm như vậy sẽ làm giảm lợi nhuận trong ngắn hạn; thậm chí Ban điều hành có thể báo cáo không trung thực về tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhằm đạt mức lợi nhuận theo kế hoạch, từ đó đảm bảo thù lao như kế hoạch đề ra.

Mặc dù ý thức được vấn đề này, nhưng không dễ các nhà đầu tư có thể kiểm soát được, bởi trên thực tế tồn tại tình trạng thông tin bất cân xứng giữa nhà đầu tư

và Ban điều hành. Ban điều hành có những thông tin mà nhà đầu tư không thể có hoặc không muốn có do chi phí để thu thập các thông tin đó là quá cao.

Ban điều hành có thể biết được sự nổ lực của mình trong khi nhà đầu tư thì không biết. Ban quản lý nhờ trực tiếp điều hành nên có được những thông tin nội bộ mà nhà đầu tư hoặc không biết hoặc biết nhưng không hiểu được đầy đủ. Do tình trạng thông tin không cân xứng này mà Ban điều hành có cơ hội để thực hiện những hành vi có lợi cho mình nhưng bất lợi cho nhà đầu tư mà không sợ bị trừng phạt.

Xung đột lợi ích

Với đặc điểm như vậy, điều mấu chốt trong quản trị công ty là việc thực hiện giảm xung đột lợi ích giữa Ban điều hành và lợi ích của công ty. Ban điều hành vì lợi ích của cá nhân có thể gian lận trong quá trình ra quyết định. Vì vậy, Công ty niêm yết cần xây dựng chính sách thù lao cho Ban điều hành đảm bảo lợi ích hài hòa giữa Công ty và Ban điều hành.

Một cơ chế thù lao hợp lý cho Ban điều hành phải đảm bảo được tối thiểu ba yêu cầu:

- Thứ nhất, cơ chế thù lao đó phải có tác dụng khuyến khích Ban điều hành làm việc với nỗ lực cao nhất. Muốn vậy, mức thù lao phải tỷ lệ thuận với mức độ nỗ lực của Ban điều hành.

- Thứ hai, cơ chế thù lao phải khuyến khích Ban điều hành đồng thời quan tâm tới lợi ích ngắn hạn cũng như dài hạn của doanh nghiệp.

- Thứ ba, phải đảm bảo kiểm soát được rủi ro của doanh nghiệp.

Trong Quy chế quản trị công ty, nhà nước cần yêu cầu bổ sung trách nhiệm của Ban điều hành:

- Tổng giám đốc phải là người chịu trách nhiệm trong việc xây dựng và cải tiến thường xuyên hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm tránh việc gian lận từ nhân viên.

- Cần phải xây dựng chính sách kế toán cho những công ty có những đơn vị kế toán hạch toán riêng biệt, đặc biệt những đơn vị lập báo cáo tài chính hợp nhất.

- Phải có chức năng kiểm toán nội bộ đối với những doanh nghiệp có từ hai đơn vị kế toán trở lên.

Mục tiêu về quản trị công ty đối với Ban điều hành là phải thực hiện bằng hành động cụ thể trong việc xây dựng các quy trình, thủ tục trong việc ngăn ngừa các gian lận và sai sót.

2.1.2 Hành động phát hiện:

a/ Ban kiểm soát

Trên thế giới, các công ty niêm yết yêu cầu bắt buộc phải có Ủy ban kiểm toán bao gồm những thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Tuy nhiên trong thực tế, chức năng này có thể do Ban giám sát đảm nhiệm. Việt nam cũng áp dụng mô hình này. Trong điều kiện và đặc điểm của Việt nam thì chức năng của Ban kiểm soát là phù hợp mà không cần có Ủy ban Kiểm toán trong hiện tại.

Theo quy chế quản trị cho các công ty niêm yết 12/2007/QĐ-BTC, Bộ tài chính cũng đã trao quyền cho Ban kiểm soát nhiều hơn trong vai trò giám sát quá trình lập báo cáo tài chính. Cụ thể:

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
- Thảo luận với kiểm toán viên độc lâp về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hằng năm, sáu tháng và hằng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán cuối kỳ hoặc giữa kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban quản lý công ty;
- Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;

- Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

Tuy nhiên ngoài những nhiệm vụ và quyền hạn mà pháp luật hiện hành quy định, Ban kiểm soát cần phải có những nhiệm vụ mở rộng hơn:

- Đánh giá tính hiệu quả, xem xét kế hoạch hoạt động hằng năm của chức năng kiểm toán nội bộ.

- Ít nhất một lần trong năm phải họp với Trưởng ban kiểm toán nội bộ mà không có sự tham gia của Ban điều hành.

- Đánh giá tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ nhất là quy trình lập báo cáo tài chính và các chương trình cải tiến hệ thống này.

- Giám sát mối quan hệ giữa kiểm toán viên với công ty và Ban điều hành trong suốt quá trình kiểm toán nhằm đảm bảo tính độc lập của kiểm toán viên.

- Cần phải có nguồn kinh phí để Ban kiểm soát thực hiện chức năng của mình. Trong quy chế quản trị công ty của Bộ tài chính chỉ cho phép Ban kiểm soát được phép thanh toán những khoản chi phí hội họp, chưa có nguồn kinh phí khác để thuê tư vấn hay các chuyên gia tài chính như quy định trong quy chế này.

b/ Chức năng Kiểm toán nội bộ

Kiểm toán nội bộ có thể đem lại cho doanh nghiệp rất nhiều lợi ích. Đây là công cụ giúp phát hiện và cải tiến những điểm yếu trong hệ thống quản lý của doanh nghiệp. Thông qua công cụ này, Hội đồng quản và Ban giám đốc có thể kiểm soát hoạt động tốt hơn, quản lý rủi ro tốt hơn, tăng khả năng đạt được các mục tiêu kinh doanh. Một doanh nghiệp có chức năng kiểm toán nội bộ sẽ làm gia tăng niềm tin của các cổ đông, các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán về hệ thống quản trị ở đây. Với sự ra đời của kiểm toán nội bộ, công tác kiểm soát ở doanh nghiệp được tin tưởng có hệ thống, chuyên nghiệp, độc lập và khách quan hơn. Có thể coi bộ phận kiểm toán nội bộ là người gác cổng cho các cổ đông.

Kiểm toán nội bộ giúp gia tăng giá trị công ty trên thị trường chứng khoán vì các nhà đầu tư sẽ tin tưởng hơn vào hệ thống quản trị của doanh nghiệp. Các thống kê trên thế giới cho thấy, công ty có chức năng kiểm toán nội bộ tốt thường có thời

hạn báo cáo tài chính minh bạch và chính xác hơn, khả năng gian lận thấp hơn và hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng cao hơn.

Tuy nhiên để chức năng kiểm toán nội bộ thực sự hiệu quả, mức độ độc lập và tính chuyên nghiệp của kiểm toán nội bộ có ý nghĩa rất lớn đối với quản trị công ty.

Trên thực tế là không phải doanh nghiệp nào cũng thấy được lợi ích trên và có biện pháp để thực hiện hóa các lợi ích đó. Nhiều doanh nghiệp theo đuổi mục tiêu tăng trưởng nóng và đã không cân bằng được ba mục tiêu bắt buộc của phát triển bền vững. Đó là tăng trưởng, hiệu quả và kiểm soát. Kết quả là tam giác ba mục tiêu này không thực sự mở rộng ở ba góc trong quá trình tăng trưởng một cách đồng bộ. Thay vào đó là bị co méo ở hai góc kia, tăng trưởng tuy có đạt, nhưng hiệu quả và kiểm soát bị giảm sút không ngang tầm với tăng trưởng.

Hoạt động kiểm toán nội bộ của nhiều doanh nghiệp Việt nam hiện tại mới chủ yếu phục vụ mục đích tuân thủ các quy định bên ngoài như quy định về thuế, kế toán, luật lao động… nhiều hơn là chủ động, tích cực phát hiện rủi ro và tăng cường kiểm soát hoạt động của doanh nghiệp.

Chính vì lợi ích nêu trên, nhằm đảm bảo giảm bớt nguy cơ gian lận và sai sót trong quá trình lập báo cáo tài chính, Bộ tài chính trong quy chế quản trị các công ty niêm yết cần phải yêu cầu:

- Tất cả các công ty niêm yết phải có chức năng kiểm toán nội bộ.
- Trưởng Ban kiểm toán nội bộ do Ban kiểm soát đề cử.
- Mọi báo cáo của kiểm toán nội bộ phải được báo cáo cho Ban kiểm soát hoặc.

c/ Chức năng kiểm toán độc lập

Vấn đề kiểm toán độc lập trong quản trị công ty thể hiện ở chất lượng mà dịch vụ kiểm toán này mang lại. Để báo cáo tài chính của công ty niêm yết có chất lượng, Công ty niêm yết cần:

- Lựa chọn các công ty kiểm toán có uy tín. Theo thống kê trên thế giới những công ty niêm yết ít có gian lận báo cáo tài chính thường những công ty này thuê những công ty kiểm toán nằm trong Big 4. Tuy nhiên, điều này đòi hỏi công ty

phả bỏ ra chi phí lớn. Vì vậy, tùy theo hiệu quả mang lại mà công ty niêm yết thuê công ty kiểm toán phù hợp cân bằng giữa chi phí và lợi ích kiểm toán mang lại.

- Công ty niêm yết phải có chương trình kiểm soát kế hoạch kiểm toán, các thủ tục đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty kiểm toán, qua đó có thể đánh giá được chất lượng công ty kiểm toán mà công ty đang thuê. Công việc này phải do Ban kiểm soát đảm nhiệm.

- Kiểm toán viên phải xác nhận và báo cáo nhiệm vụ của Ban điều hành trong việc cải tiến hệ thống kiểm soát nội bộ. Báo cáo này là một phần không tách rời trong báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính dủa doanh nghiệp được kiểm toán.

- Mặc dù qua khảo sát hầu hết các công ty không thuê đơn vị kiểm toán cùng lúc thuê các dịch vụ kế toán khác. Tuy nhiên nhằm đảm bảo tính độc lập của Kiểm toán viên độc lập, Nhà nước cần quy định mang tính chất bắt buộc đơn vị kiểm toán độc lập không được cung cấp dịch vụ kế toán nào khác cho khách hàng mình cung cấp dịch vụ kiểm toán đối với công ty niêm yết.

2.2. Đối với các cơ quan quản lý:

- Trong thời điểm hiện tại, môi trường pháp lý đối với kiểm toán độc lập chưa được hoàn thiện. Khuôn khổ pháp lý đối với kiểm toán độc lập là rất thấp, chủ yếu dựa trên Quyết định số 76/2004/TT-BTC, Nghị định 105/2004/NĐ-CP, Quyết định 87/2005/QĐ-BTC, Quyết định 32/2007QĐ-BTC. Vì vậy cần sớm ban hành Luật kiểm toán độc lập, các doanh nghiệp kiểm toán bắt buộc đề phòng những gian lận kiểm toán khi có sự thông đồng giữa doanh nghiệp kiểm toán và doanh nghiệp được kiểm toán.

- Cần xúc tiến các chương trình đào tạo dành cho các thành viên Hội đồng quản trị và cán bộ quản lý của các công ty niêm yết. Thành viên hội đồng quản trị và Ban điều hành của các công ty niêm yết cần bắt buộc phải tham gia và hoàn thành khóa đào tạo. Ngoài các chưng trình đào tạo về quản lý, Nhà nước cần quan tâm đào tạo về đạo đức kinh doanh cũng như chương trình quản trị rủi ro.

2.2.1 Bộ tài chính

Trong bối cảnh hội nhập và thị trường chứng khoán ở Việt nam ngày càng phát triển, đặc biệt có sự tham gia nguồn vốn từ nước ngoài, hệ thống kiểm toán là một trong những trọng điểm cần được cải tiến không ngừng nhằm nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm pháp lý của các doanh nghiệp, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư và góp phần hơn nữa vào vào việc phát triển thị trường chứng khoán Việt nam. Cụ thể:

- Nhà nước cần tiếp tục thay đổi nội dung hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt nam, rút ngắn khoản cách giữa các chuẩn mực Việt nam so với các chuẩn mực quốc tế, đồng thời hướng dẫn việc áp dụng các chuẩn mực phù hợp với thực tế.

- Trong bối cảnh số lượng các công ty niêm yết tăng trưởng về số lượng, nhân lực kiểm toán thiếu hụt, Nhà nước cần nâng cao tiêu chuẩn lựa chọn các công ty kiểm toán có đủ năng lực, uy tín, đảm bảo chất lượng kiểm toán tốt.

- Cần có quy định xử phạt thật nặng đủ để răng đe bất kỳ công ty niêm yết nào gian lận về thông tin tài chính nói chung và báo cáo tài chính nói riêng.

2.2.2 Ủy ban chứng khoán nhà nước:

- Mặc dù Bộ tài chính đã ban hành Quy chế quản trị công ty và điều lệ mẫu cho công ty niêm yết, nhưng qua khảo sát cho thấy giữa thực tiễn và yêu cầu của pháp luật còn một khoảng cách khá lớn, vì vậy ủy ban cần tăng cường giám sát tính thực thi.

- Ủy ban chứng khoán nhà nước cần có hướng dẫn cụ thể Quy chế quản trị công ty, nhất là những nội dung mà công ty niêm yết phải báo cáo cho ủy ban về những thông tin quản trị công ty của doanh nghiệp.

- Hiện nay, Ủy ban chứng khoán nhà nước trực thuộc Bộ tài chính là hợp lý khi mà thị trường chứng khoán ở Việt nam đang trong giai đoạn hình thành. Tuy nhiên xét về trung hạn, để nhất quán với các thông lệ tốt và đảm bảo tính độc lập của ủy ban , Chính phủ cần đưa ra mục tiêu đưa Ủy ban chứng khoán nhà nước trở thành một ủy ban độc lập, bao gồm các ủy viên độc lập và có đủ thẩm quyền của một ủy ban chứng khoán hiện đại, được tự chủ trong hoạt động đi đôi với trách

nhiệm rõ ràng. Với tư cách là một ủy ban độc lập, Ủy ban chứng khoán nhà nước không nên trực thộc Bộ tài chính, điều này là để tránh can thiệp bằng chính trị, đặc biệt do một thực tế Bộ tài chính là một cơ quan quản lý nhà nước có chức năng giám sát tình hình tài chính của các doanh nghiệp nhà nước lớn.

- Mặc dù Chính phủ đã có nghị định 185/2004/NĐ-CP quy định xử phạt hành chính về kế toán, nhưng trong thời gian quan chưa thấy công bố một đơn vị nào bị phạt trong lĩnh vực kế toán thời gian qua. Vì vậy Ủy ban chứng khoán cần thiết lập một bộ phận để kiểm tra tính tuân thủ các quy định và các chuẩn mực kế toán của các công niêm yết trong quá trình lập báo cáo tài chính.

2.2.3 Hội nghề nghiệp:

- Cần tăng cường năng lực cho hiệp hội kiểm toán viên hành nghề. Trách nhiệm đầu tiên của tổ chức này phải là giám sát tình hình tuân thủ chuẩn mực của các kiểm toán viên và tình hình tuân thủ đạo đức nghề nghiệp. Hiệp hội cần phải được trang bị các nguồn lực cần thiết để tiến hành đánh giá công việc của kiểm toán viên và áp dụng biện pháp xử phạt nếu cần thiết.

- Nâng cao vai trò của các tổ chức Hiệp hội nghề nghiệp, cụ thể là Hội kiểm toán viên hành nghề Việt nam, thông qua việc chuyển giao một số chức năng của Bộ tài chính như giám sát hoạt động kiểm toán cho Hiệp hội. Bên cạnh đó, Hiệp hội cần triển khai việc áp dụng quy tắc đạo đức nghề nghiệp, nâng cao chất lượng đào tạo và kỳ thi kiểm toán viên hành nghề để có thể lựa chọn được những kiểm toán viên giỏi phục vụ cho sự nghiệp của ngành kiểm toán Việt nam.

- Về lâu dài, bộ phận kiểm tra tính tuân thủ kế toán của các công ty niêm yết, cũng như kiểm soát chất lượng giao cho Hội kiểm toán quản lý.

2.3. Đối với Công ty kiểm toán:

Vai trò của các công ty kiểm toán đối với việc kiểm toán báo cáo tài chính của các công ty niêm yết là rất quan trọng. Trách nhiệm đó đòi hỏi kiểm toán viên của các công ty kiểm toán phải đưa ra được báo cáo tài chính đầy đủ, trung thực và cung cấp cho các cổ đông những thông tin xác thực nhất về tình hình tài chính của công ty này.

Theo quy chế lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận kiểm toán báo cáo tài chính cho tổ chức niêm yết ban hành theo Quyết định số 76/2004/QĐ-BTC ngày 22/09/2004 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định điều kiện để lựa chọn là:

- Có vốn điều lệ hoặc vốn chủ sở hữu là từ 2 tỷ đồng trở lên đối với doanh nghiệp kiểm toán trong nước; vốn điều lệ tối thiểu là 300.000 USD đối với doanh nghiệp kiểm toán có vốn đầu tư nước ngoài;

- Có số lượng kiểm toán viên hành nghề từ 10 người trở lên và có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điều 7 quy chế này;

- Đã thành lập và hoạt động kiểm toán tại Việt nam tối thiểu là 5 năm tính đến ngày nộp đơn đăng ký tham gia kiểm toán;

- Có số lượng khách hàng kiểm toán hằng năm tối thiểu là 30 đơn vị.

Tính đến 30/06/2007, Ủy ban chứng khoán nhà nước đã chấp thuận cho 11 doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện được phép (gồm 8 doanh nghiệp trong nước và 3 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) hoạt động kiểm toán trên thị trường chứng khoán Việt nam. Cụ thể:

STT	**Tên công ty**	**Số lượng kiểm toán viên**	**Doanh thu năm 2006 (tỷ đồng)**
01	Công ty CP kiểm toán và tư vấn tài chính kế toán (AFC)	27	22
02	Công ty dịch vụ tư vấn TC-KT và kiểm toán (AASC)	39	60
03	Công ty cổ phần kiểm toán và tư vấn (A&C)	69	43
04	Cty kiểm toán và DV tin học TP Hồ Chí Minh (AISC)	28	18
05	Công ty Kiểm toán Việt nam (VACO)	62	82
06	Công ty Kiểm toán và Định giá Việt nam (VAE)	14	15
07	Công ty Kiểm toán và Kế toán AAC	13	12
08	Công ty kiểm toán DTL	17	10
09	Công ty Kiểm toán Ernst & Young	24	138
10	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers	18	173
11	Công ty TNHH KPMG	33	134

(Nguồn Website:www.vacpa.org.vn)

Nhìn chung, các doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận đã đáp ứng được những nhu cầu về kiểm toán các công ty niêm yết. Tuy nhiên chất lượng chưa đồng đều.

Đối với các công ty kiểm toán độc lập trong quản trị công ty, điều quan trọng là chất lượng của kiểm toán. Chất lượng kiểm toán tùy thuộc vào tính chuyên nghiệp và quy mô của các công ty kiểm toán và tính độc lập khách quan của kiểm toán viên trong quá trình thực hiện kiểm toán tại doanh nghiệp.

Nhằm nâng cao chất lượng kiểm toán, Công ty kiểm toán cần:

- Theo dõi, kiểm tra sự tuân thủ nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp bao gồm kiểm tra tính độc lập, chính trực, khách quan, năng lực chuyên môn, tính thận trọng, bí mật, tư các nghề nghiệp của kiểm toán viên.

- Yêu cầu kiểm toán viên phải nộp bản giải trình về tính độc lập đối với khách hàng, phân công người có thẩm quyền kiểm tra tính độc lập của các kiểm toán viên trước một cuộc kiểm toán.

- Công việc kiểm toán phải được hướng dẫn và giám sát thực hiện đầy đủ ở tất cả các cấp. Trong mỗi cuộc kiểm toán thành phần trong nhóm kiểm toán bao giờ cũng được xác định cụ thể, phù hợp với đối tượng kiểm toán và yêu cầu pháp lý của cuộc kiểm toán.

- Cần phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện các chính sách và thủ tục kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán của công ty.

- Không ngừng nâng cao trình độ của kiểm toán viên, thông qua các chính sách về tuyển dụng, đào tạo, khen thưởng, xử phạt.

- Thiết kế các quy trình kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán và thiết kế bộ máy tổ chức thực hiện chuyên trách nhiệm vụ này. Đồng thời, các công ty kiểm toán phải lưu trữ thông tin, tài liệu liên quan đến quá trình kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán trong tong cuộc kiểm toán cụ thể. Việc đánh giá khả năng chấp nhận kiểm toán để lựa chọn khách hàng, mặc dù được tiến hành trước khi cam kết cung cấp dịch vụ, nhưng trên thực tế, nội dung này hầu như không được lưu trữ trong hồ sơ kiểm toán.

3. Kết luận chương III:

Từ những định hướng về quản trị công ty nhằm nâng cao chất lượng báo cáo tài chính đã trình bày trên đây, chúng ta nhận thấy rằng trước mắt đối với công ty niêm yết, quản trị công ty tốt là rất quan trọng. Nó giúp cho chính doanh nghiệp niêm yết tạo dựng được hình ảnh tốt về mình trong con mắt của nhà đầu tư, từ đó nâng cao giá trị doanh nghiệp, làm tăng lợi ích cổ đông.

Việc Nhà nước xây dựng hệ thống pháp lý về quản trị công ty là điều kiện bước đầu để các công ty niêm yết thực hiện. Tuy nhiên, những quy định này chưa được cụ thể hóa hoặc những yếu tố đưa ra chưa thật sự cụ thể về những vấn đề liên quan đến quá trình lập báo cáo tài chính. Những quy định được đặt ra chưa quan tâm đến chất lượng của thông tin tài chính được công bố.

Yêu cầu cung cấp thông tin nhằm giảm sự bất tương xứng về thông tin là quan trọng. Tuy nhiên điều quan trọng hơn là chất lượng của những thông tin này có đánh tin cậy hay không là một chuyện khác. Mục tiêu thiết lập hệ thống quản trị công ty tốt phù hợp với thông lệ quốc tế không những nó đòi hỏi sự nổ lực của chính công ty niêm yết mà còn phải có sự hổ trợ của Nhà nước trong việc tạo lập một hành lang pháp lý vững chắc, đảm bảo cho các bên liên quan trong cơ cấu quản trị công ty thực hiện đồng bộ và đầy đủ chức năng của mình.

KẾT LUẬN CHUNG

Trên thế giới, quản trị công ty hình thành từ thế kỷ 19, đặc biệt sau hàng loạt đổ vỡ của các công ty niêm yết lớn trên thế giới như Enron, Worldcom đầu thế kỷ 21. Sự đổ vỡ trên bắt nguồn từ những gian lận tài chính, làm sai lệch báo cáo tài chính, từ đó dẫn đến lòng tin của công chúng sụt giảm.

Thị trường chứng khoán Việt nam thật sự bắt đầu từ năm 2000. Qua bảy năm hoạt động, thị trường chứng khoán đã phát huy tích cực trong vai trò là một kênh huy động vốn trung và dài hạn để đáp ứng nhu cầu đầu tư của nền kinh tế. Thị trường chứng khoán cũng là nhân tố thúc đẩy quá trình minh bạch hóa các hoạt động của doanh nghiệp. Nhận thức của công chúng về vai trò và tác dụng thị trường chứng khoán ngày một sâu sắc.

Đáp ứng tốt yêu cầu cung cấp thông tin một cách đáng tin cậy là một trong những đòi hỏi tất yếu và khách quan đặt ra cho các công ty niêm yết tại thị trường chứng khoán Việt Nam, đặc biệt là những thông tin trên báo cáo tài chính trong quá trình hội nhập vào nên kinh tế khu vực và thế giới. Trách nhiệm đặt ra không chỉ các cơ quan quản lý nhà nước mà các công ty niêm yết cần phải chủ động tạo lòng tin cho cổ đông và cả những nhà đâu tư tiềm năng. Doanh nghiệp phải xem việc cung cấp thông tin đáng tin cậy là quyền lợi của chính doanh nghiệp của mình, từ đó mới ý thức được vai trò của quản trị công ty.

Mặc dù trong thời gian qua, hầu như chưa có một gian lận báo cáo tài chính nào của các doanh nghiệp niêm yết tại Việt nam bị công bố, nhưng điều đó không có nghĩa tất cả những báo cáo tài chính được công bố là hoàn toàn chính trực và đáng tin cậy. Điều quan trọng ở đây mà chúng ta cần quan tâm là mọi nguy cơ về gian lận tài chính đều xuất phát từ xung đột lợi ích do việc tách quyền sở hữu và quyền quản lý ở các công ty đại chúng. Nói như vậy, để chúng ta hiểu rằng nguy cơ gian lận trong công ty niêm yết là một sự tồn tại tất yếu và quản trị công ty tốt để ngăn ngừa gian lận là một khách quan không thể chối cãi.

Tuy nhiên, tại Việt nam thị trường chứng khoán còn quá non trẻ, các công ty niêm yết đa số được chuyển từ việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước với mô

hình quản lý theo kiểu hành chính bao cấp. Do đó việc áp dụng quản trị công ty phải cần một thời gian khá dài. Thuật ngữ quản trị công ty ở Việt nam cũng còn quá mới, nó mới chỉ bắt đầu khởi động từ những cơ quan quản lý nhà nước, nhưng điều quan trọng là nó phải ăn sâu vào tiềm thức của từng doanh nghiệp, bởi vì doanh nghiệp chính là nơi cụ thể hóa những thông lệ quản trị công ty, là nơi cung cấp những thông tin tài chính, những thông tin mà nhà đầu tư căn cứ vào đó để đưa ra quyết định của mình.

Trên cơ sở phân tích thực trạng, đưa ra những mặt hạn chế, so sánh với những thông lệ quản trị công ty của các mô hình trên thế giới, luận văn đưa ra một số định hướng về quản trị công ty trong bối cảnh của Việt nam, đồng thời phù hợp với thông lệ quốc tế nhằm từng bước nâng cao những yếu tố trong cơ cấu quản trị công ty đảm bảo chất lượng báo cáo tài chính trước khi công bố. Để những định hướng này sớm đi vào thực tiễn, cần sự nổ lực của các công ty niêm yết mà trong đó Hội đồng quản trị đóng vai trò then chốt. Ngoài ra, các cơ quan quản lý nhà nước, các nhà đầu tư cần thể hiện vai trò cao hơn nữa nhằm tham gia trong quá trình quản trị công ty của từng doanh nghiệp.

Những định hướng đưa ra trong luận văn chỉ là một phần trong những thông lệ quản trị công ty tốt mà thế giới đang áp dụng trong bối cảnh hiện tại của Việt Nam. Về lâu dài những vấn đề cần đặt ra như đạo đức kinh doanh, công khai hơn nữa các thông tin, vai trò của Ủy ban kiểm toán, các hệ thống khuyến khích vật chất và cơ chế kiểm soát đi kèm…. Thực hiện luận văn này, bản thân tôi hy vọng sẽ góp phần từng bước nâng cao chất lượng thông tin khi công bố của các công ty niêm yết để đáp ứng kỳ vọng của các nhà đầu tư và toàn xã hội trong sự phát triển bền vững ổn định của nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn hội nhập nền kinh tế toàn cầu.